

2024 - 2025

PRICE LIST



THƯ NGỎ

Kính gửi: **QUÝ KHÁCH HÀNG**

Công ty TNHH ETINCO xin gửi tới Quý khách hàng lời chào trân trọng nhất.

Etinco là nhà nhập khẩu & phân phối thiết bị điện tiên phong mang đến trải nghiệm mua hàng Thật với Khách hàng. Etinco hướng đến là nhà phát triển Thương hiệu uy tín và là lựa chọn hàng đầu của các đối tác trong và ngoài nước trong lĩnh vực Thiết bị điện.

Sản phẩm chính Etinco phân phối bao gồm:

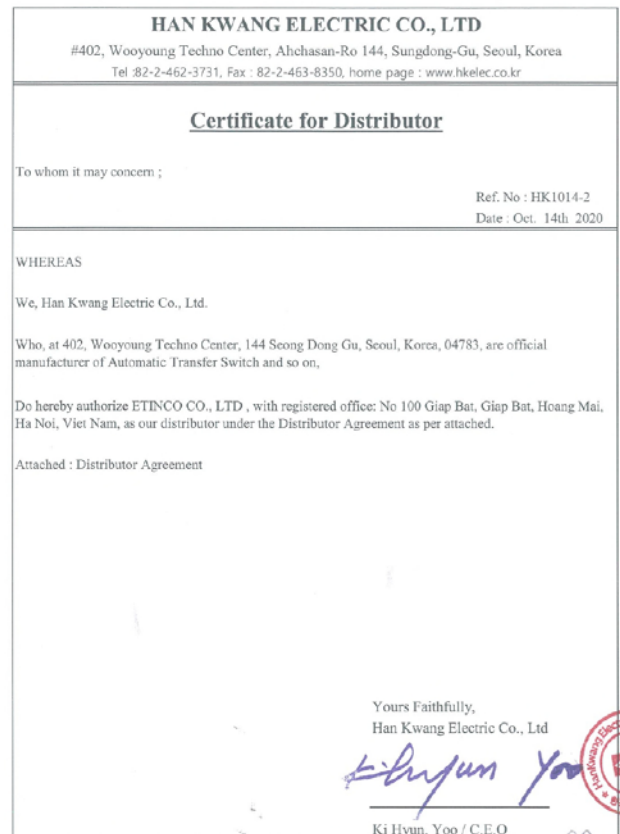
SẢN PHẨM CUNG CẤP	TRANG
CHỨNG NHẬN ĐẠI LÝ	
BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN BTB ELECTRIC (Áp dụng từ 01.10.2024)	
Thiết bị đóng cắt hạ thế MCCB, MCB, contactor, ralay nhiệt, ACB, tụ bù, contactor cho tụ bù, cuộn kháng, bộ điều khiển tụ bù, bộ lọc sóng hài, ATS	01
BẢNG GIÁ ATS HANKWANG	05
BẢNG GIÁ TỤ BÙ, CUỘN KHÁNG NUINTEK (Áp dụng từ 01.09.2024)	06
BẢNG GIÁ ATS OSUNG - BỘ ĐIỀU KHIỂN MIKRO (Áp dụng từ 15.08.2024)	07
BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN LS ELECTRIC (Áp dụng từ 15.04.2024)	08
BIẾN TẦN LS ELECTRIC (Áp dụng từ 15.05.2024)	15
BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN HUYNDAI (Áp dụng từ 01.06.2024)	26
BẢNG GIÁ DÂY CÁP ĐIỆN CADISUN, CADIVI, COSMOLINK, ÂM THANH TOA	Liên hệ

Etinco không chỉ có lợi thế về sản phẩm đa dạng, chính hãng với mức giá cạnh tranh, ổn định theo niêm yết mà còn tạo dựng được sự tin nhiệm với nhiều đối tác Uy tín trong ngành điện nhờ luôn định hướng tiên phong trải nghiệm Khách hàng, cùng đội ngũ nhân sự thấu hiểu thị trường, trách nhiệm, nhiệt huyết và chân thành.

Xin gửi lời cảm ơn chân thành, sâu sắc tới tất cả khách hàng đã tin tưởng Etinco trong thời gian qua!

CÔNG TY TNHH ETINCO

CERTIFICATE





MCCB-FIXED TYPE - ECONOMIC

Specifications

Overload and short circuit protection
Selective protection Cat. A
KEMA TEST

High performance and simple protection coordination
Expand functionality with accessory mounting windows

	Specifications		MCCB 3P		MCCB 4P	
	In (A)	Icu (kA)	Item code	Price (VND)	Item code	Price (VND)
	20, 32, 40, 50	25	MF 125E3	950.000	MF 125E4	1.200.000
	63 (60), 80, 100, 125	25	MF 125E3	1.000.000	MF 125E4	1.200.000
	100, 125, 160, 200, 250	36	MF 250E3	2.000.000	MF 250E4	2.600.000
	250, 315, 350, 400	85	MF 400E3	5.000.000	MF 400E4	6.200.000
	500, 630	85	MF 630E3	7.500.000	MF 630E4	8.800.000
	700, 800	85	MF 800E3	10.000.000	MF 800E4	11.900.000
	1000	65	ME 1600S3	29.000.000	ME 1600S4	38.400.000
	1250	65	ME 1600S3	31.600.000	ME 1600S4	39.600.000
	1600	65	ME 1600S3	40.400.000	ME 1600S4	50.900.000

Products name	Item code (A)	Price (VND)	Name	Item code	Price (VND)
MCCB	125	720.000	AUX, ALARM	125	228.000
	160/250	960.000		160/250	300.000
	400/630/800	1.200.000		400/630/800	540.000
Low pressure coil (UVT)					


Products name	Item code	Price VND	Product name	Item code	Price VND	
MCCB	3P 125A	432.000	(Shunt Trip)	125A	576.000	
	3P 160/250A	792.000		160/250A	720.000	
	3P 400A	1.368.000		400/630/800A	1.440.000	
	3P 630A	3.168.000		1000/1250/1600A	2.500.000	
	3P 800A	3.744.000		Phase shield	Fully equipped on both sides	
	3P 1600A	6.000.000				

MCB - Economic
Meets EVN standards

Specifications

IEC 60898-1 Standard -apply to MA63
IEC 60947-2 Standard -apply to MA125

Certified by DEKRA & INTERTEK
Cutting line Ics = 100% Icn = 100%Icu



	Specifications			Item code	Price (VND)
	In (A)	Icn/Icu (kA)	Test		
	6, 10, 16, 20, 25, 32	6	DEKRA	MA63E 1P	67.000
	40, 50, 63	6	DEKRA	MA63E 1P	75.000
	6, 10, 16, 20, 25, 32	6	DEKRA	MA63E 2P	134.000
	40, 50, 63	6	DEKRA	MA63E 2P	151.000
	6, 10, 16, 20, 25, 32	6	DEKRA	MA63E 3P	201.000
	40, 50, 63	6	DEKRA	MA63E 3P	226.000
	6, 10, 16, 20, 25, 32	6	DEKRA	MA63E 4P	264.000
	40, 50, 63	6	DEKRA	MA63E 4P	290.000
	80, 100, 125	10	INTERTEK	MA125S 1P	210.000
	80, 100, 125	10	INTERTEK	MA125S 2P	419.000
	80, 100, 125	10	INTERTEK	MA125S 3P	629.000
	80, 100, 125	10	INTERTEK	MA125S 4P	839.000

MCB - Circuit breaker protects against overload and leakage current RCBO
MCB - Circuit breaker protects against leakage current RCCO

Specifications

RCBO-MO - Overload / short circuit / leakage current protection
Optional B/C cutting characteristics

Electronic leakage current protection
3 levels of leakage current 30mA/100mA/300mA

	Specifications			Item code	Price (VND)
	In (A)	Icn/Icu (kA)	Phase		
	16, 20, 25, 32, 40, 50, 63	6	1P +N	MO63E L-N	550.000
	6, 10, 16, 20, 25, 32	6	1P +N	MO32E L-N	500.000
	10, 20, 25, 40, 63	6	1P +N	MR63E L-N	530.000
	16, 20, 25, 40, 63	6	3P +N	MR63E 3P+N	830.000
	63, 80, 100	6	3P +N	MR100E 3P+N	870.000
	15, 20, 25, 32, 40, 50	1,5	1P +N	MS50E	70.000
	15, 20, 25, 32, 40, 50	1,5 (30mA)	1P +N	MO50E	180.000

Note: The price does not include VAT

(CONTACTOR) 3 PHASES




Specifications

AC-1 (Ith) large heat flow

Standard: IEC60947 and UL508

Accessories synchronized between frames, flexible installation

Contact silver ratio is 85%

	Specifications			Item code	Price (VND)	Accessories	
	Current (A)	AC-1 (A)	AC-3 (kW)			Type	Coil voltage (V)
	9	25	4	MC3-9	330.000	1NO1NC	220 / 380
	12	25	5.5	MC3-12	363.000		
	18	40	7.5	MC3-18	420.000		
	22	40	11	MC3-22	462.000		
	32	50	15	MC3-32	600.000		
	2NO2NC	40	60	18.5	MC3-40	660.000	
		50	80	22	MC3-50	1.470.000	
		65	100	30	MC3-65	1.617.000	
		75	110	37	MC3-75	1.780.000	
		85	135	45	MC3-85	1.958.000	
	100	150	55	MC3-100	3.230.000	2NO2NC	220 / 380
	130	150	60	MC3-130	3.707.000		
	150	200	75	MC3-150	3.510.000		
	185	230	90	MC3-185	5.850.000		
	225	260	132	MC3-225	6.100.000		
	265	350	140	MC3-265	7.370.000	2NO2NC	220 / 380
	330	400	180	MC3-330	8.950.000		
	400	500	220	MC3-400	9.610.000		
	500	700	280	MC3-500	13.310.000		
	630	1000	375	MC3-630	18.140.000		
	800	1600	450	MC3-800	20.890.000		

THERMAL RELAY


Specifications

Heating on 3 phases, precise operation

Working voltage and insulation can reach 690V

Easy installation

Function Test, Trip, Reset A/H

	Specifications			Item code	Price (VND)
	Current (A)	Contactor connection			
	(1 ~ 22A) 1-1.6; 1.6-2.5; 2.5-4; 4-6; 5-8; 6-9; 7-10; 9-13; 12-18; 16-22	MC3-9, MC3-12 MC3-18, MC3-22		MT3-22	238.000
	(4 ~ 40A) 4-6; 5-8; 6-9; 7-10; 9-13; 12-18; 16-22; 18-26; 24-36; 28-40	MC3-32 MC3-40		MT3-40	334.000
	(7 ~ 85A) 7-10; 9-13; 12-18; 16-22; 18-26; 24-36; 28-40; 34-50; 45-65; 54-75; 63-85	MC3-50, MC3-65 MC3-75, MC3-85		MT3-85	455.000
	(34 ~ 150A) 34-50; 39-57; 43-65; 54-80; 65-100; 85-125; 100-150	MC3-100, MC3-13 MC3-150		MT3-150	1.084.000
	(65 ~ 240A) 65-100; 85-125; 100-160; 120-180; 160 - 240	MC3-185 MC3-225		MT3-225	2.150.000

CONTACTOR ACCESSORIES

Auxiliary contact			Contactor suction coil		
Application for contactor	Item code	Price (VND)	Application for contactor	Item code	Price (VND)
MC3-9 ~ MC3-85	AU-1	61.100	MC3-9 ~ MCE-40	Coil 40	130.000
MC3-9 ~ MC3-85	AU-2	65.000	MC3-50 ~ MCE-85	Coil 85	238.000
MC3-265 ~ MC3-800	AU-4	120.000	MC3-100 ~ MCE-150	Coil 150	1.080.000
MC3-100 ~ MC3-225	AU-100	140.000	MC3-185 ~ MCE-225	Coil 225	1.440.000

Interlock			Contacts and resistors for capacitors		
Application for contactor	Item code	Price (VND)	Application for capacitor	Item code	Price (VND)
MC3-9 ~ MC3-85	AR-9/85	35.500	5 ~ 33.3 kVAr	AC-9	220.000
MC3-100 ~ MC3-150	AR-100/150	85.000	22 ~ 60 kVAr	AC-50	230.000
MC3-185 ~ MC3-225	AR-180/220	95.000			

Open timer for Contactor			Close timer for Contactor		
Application	Item code	Price (VND)	Application	Item code	Price (VND)
0,1 - 3s	UT-ON	260.000	0,1 - 3s	UT-OF	260.000
0,1 - 30s	UT-1N	260.000	0,1 - 30s	UT-1F	260.000
10 - 180s	UT-2N	260.000	10 - 180s	UT-2F	260.000

Note: The price does not include VAT

ACB - FIXED TYPE
Meet EVN standards

Specifications

3 frame sizes.
Relay trip fully functional with 3 levels: overcurrent, voltage, frequency
Selective protection Cat. B convenient coordination of protection
Easy-to-use LCD screen, Modbus connection

High performance, economic
Ability to withstand insulation voltage 1000V
Lightning impulse voltage up to 12kV
Fast closing/cutting speed: <70/35ms

Specifications		ACB 3P		ACB 4P	
In (A)	Icu (kA)	Item code	Price (VND)	Item code	Price (VND)
630A	80	MA3-06B3-3H-FHD	38.300.000	MA3-06B4-3H-FHD	45.960.000
800A	80	MA3-08B3-3H-FHD	40.215.000	MA3-08B4-3H-FHD	48.258.000
1000A	80	MA3-10B3-3H-FHD	41.100.000	MA3-10B4-3H-FHD	49.320.000
1250A	80	MA3-12B3-3H-FHD	42.333.000	MA3-12B4-3H-FHD	50.799.600
1600A	80	MA3-16B3-3H-FHD	43.977.000	MA3-16B4-3H-FHD	52.772.400
2000A	80	MA3-20B3-3H-FHD	48.000.000	MA3-20B4-3H-FHD	57.600.000
2500A	120	MA3-25D3-3H-FHD	72.000.000	MA3-25D4-3H-FHD	86.400.000
3200A	120	MA3-32D3-3H-FHD	75.000.000	MA3-32D4-3H-FHD	90.000.000
4000A	120	MA3-40D3-3H-FHD	120.000.000	MA3-40D4-3H-FHD	144.000.000
5000A	135	MA3-50E3-3H-FHE	***	MA3-50E4-3H-FHE	***
6300A	135	MA3-63E3-3H-FHE	***		



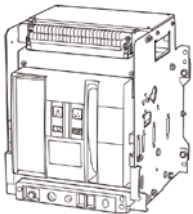
ACB - DRAW-OUT TYPE
Meets EVN standards

Specifications

3 frame sizes.
Relay trip fully functional with 3 levels: overcurrent, voltage, frequency
Selective protection Cat. B convenient coordination of protection
Easy-to-use LCD screen, Modbus connection

High performance, economic
Insulation withstand voltage 1000V,
Lightning impulse voltage up to 12kV
Fast closing/cutting speed: <70/35ms

Specifications		ACB 3P		ACB 4P	
In (A)	Icu (kA)	Item code	Price (VND)	Item code	Price(VND)
630A	80	MA3-06B3-3H-DHD	51.800.000	MA3-06B4-3H-DHD	58.600.000
800A	80	MA3-08B3-3H-DHD	51.800.000	MA3-08B4-3H-DHD	58.600.000
1000A	80	MA3-10B3-3H-DHD	55.100.000	MA3-10B4-3H-DHD	63.500.000
1250A	80	MA3-12B3-3H-DHD	55.100.000	MA3-12B4-3H-DHD	63.500.000
1600A	80	MA3-16B3-3H-DHD	55.100.000	MA3-16B4-3H-DHD	63.500.000
2000A	80	MA3-20B3-3H-DHD	61.000.000	MA3-20B4-3H-DHD	72.700.000
2500A	120	MA3-25D3-3H-DHD	112.500.000	MA3-25D4-3H-DHD	132.900.000
3200A	120	MA3-32D3-3H-DHD	126.800.000	MA3-32D4-3H-DHD	152.500.000
4000A	120	MA3-40D3-3H-DHD	166.800.000	MA3-40D4-3H-DHD	204.100.000
5000A	135	MA3-50E3-3H-DHE	330.700.000	MA3-50E4-3H-DHE	369.800.000
6300A	135	MA3-63E3-3H-DHE	375.200.000	MA3-63E4-3H-DHE	***



ACB ACCESSORIES

Products name	Item code	Price (VND)	Product name	Item code	Price (VND)
Low voltage protector	UVT	2,200,000	Interlock	2-way (with 2 ACB)	7.500.000
	UVT+Time	2,400,000		3-way (with 3 ACB)	11.250.000
Roll close/cut	CC / SHT	1,200,000	Phase shield	IB for ACB 630A~6300A	Full



- The above price includes all accessories (closing coil, cutting coil, motor) and a fully functional 3H relay with integrated UVT


Note: The price does not include VAT

Low voltage capacitor (CPRI Test)

Specifications

Polypropylene film with a thickness of 7 + 8µm is resistant to harmonics and overvoltage
Low loss ≤0.2W/kVAR

Does not contain PBCs, safe for the environment
Automatically disconnects when over pressure to avoid fire and explosion


Description	Capacity (kVAr)	Dimension DxH (mm)	Item code	Price (VND)
<i>Made in Malaysia</i>				
 Low voltage capacitor 5kVAr 440V	5	60x158	BDC4405M (C)	670.000
Low voltage capacitor 10kVAr 440V	10	75x225	BDC4410M (B)	1.040.000
Low voltage capacitor 15kVAr 440V	15	75x225	BDC4415M (B)	1.260.000
Low voltage capacitor 20kVAr 440V	20	75x288	BDC4420M (B)	1.440.000
Low voltage capacitor 25kVAr 440V	25	86x288	BDC4425M (B)	1.800.000
Low voltage capacitor 30kVAr 440V	30	86x288	BDC4430M (B)	2.160.000
Low voltage capacitor 20kVAr 525V	20	75x288	BDC5220M (B)	1.600.000
Low voltage capacitor 25kVAr 525V	25	86x288	BDC5225M (B)	2.000.000
Low voltage capacitor 30kVAr 525V	30	86x330	BDC5230M (B)	2.400.000

Intelligent capacitor (CQC Quality)

Specifications

Capacity up to 50kVAR.
Large harmonic overcurrent tolerance.
Integrated with switching and protection equipment.

Over-voltage, current, temperature protection function
Quick installation and maintenance
Does not contain PBCs, safe for the environment


Description	Capacity (kVAr)	Dimension WxDxH (mm)	Item code	Price (VND)
<i>Made in China</i>				
 Intelligent capacitor 3P 450V 10kVAr (5+5)	10	80x395x215	BIC3-450505	7.038.000
Intelligent capacitor 3P 450V 15kVAr (10+5)	15	80x395x235	BIC3-451005	7.446.000
Intelligent capacitor 3P 450V 20kVAr (10+10)	20	80x395x235	BIC3-451010	7.854.000
Intelligent capacitor 3P 450V 25kVAr (15+10)	25	80x395x315	BIC3-451510	8.058.000
Intelligent capacitor 3P 450V 30kVAr (15+15)	30	80x395x315	BIC3-451515	8.262.000
Intelligent capacitor 3P 450V 40kVAr (20+20)	40	80x395x315	BIC3-452020	8.670.000
Intelligent capacitor 3P 450V 50kVAr (25+25)	50	80x395x345	BIC3-452525	9.996.000
Intelligent capacitor 1P 250V 20kVAr	20	80x395x265	BIC1-2520	8.670.000
Intelligent capacitor 1P 250V 25kVAr	25	80x395x315	BIC1-2525	9.996.000
Intelligent capacitor 1P 250V 30kVAr	30	80x395x315	BIC1-2530	10.812.000

Active harmonic filter (AHF ACTIVE HARMONIC FILTER)

Specifications

Wide operating voltage 340V~460V
Ability to filter harmonic currents up to 97%
Optionally choose the filter harmonic level from 2~50th

Transient response <0.1ms, complete response <10ms
Automatic current limiting when rated output 100%
Detect source/load power direction


Description	Capacity (A)	Dimension WxDxH (mm)	Item code	Price (VND)
 Active harmonic filter 50A, 3P, 400V	50	500x558x160	BF3-050-4-4L/D	160.000.000
Active harmonic filter 75A, 3P, 400V	75	500x558x160	BF3-075-4-4L/D	180.000.000
Active harmonic filter 100A, 3P, 400V	100	555x665x260	BF3-100-4-4L/D	230.000.000
Active harmonic filter 150A, 3P, 400V	150	555x665x260	BF3-150-4-4L/D	266.000.000
Tủ AHF 200A ~ 600A, 3P, 400V	200-600	800x800x2200	BF3-xxx-4-4L/C	***

POWER FACTOR CONTROLLER (LCIE Quality)

Specifications

C/k automatic / manual, self-calibrating CT polarity
Set Cosj coefficient 0.85 + 1.00
LED light and alarm output relay

Safety function (200ms power failure all step capacitors are disconnected)
Displays the system's primary U, I, P, Q, S measurements
User-friendly settings; Conforms to IEC 61000-6-2 standard

Description	Control Steps	Dimension WxDxH (mm)	Item code	Price (VND)
 PFR 6 steps, 415V, 50Hz, 96x96mm	6	96x96x90	PFR-96b 415 50	3.680.000
PFR 6 steps, 415V, 50Hz, 144x144mm	6	144x144x67	PFR-60b 415 50	3.680.000
PFR 8 steps, 415V, 50Hz, 144x144mm	8	144x144x67	PFR-80b 415 50	3.990.000
PFR 12 steps, 415V, 50Hz, 144x144mm	12	144x144x67	PFR-120b 415 50	4.520.000
PFR 24 steps, 415V, 50Hz, 144x144mm	24	144x144x88	RGA-24S	12.960.000
PFR high voltage 24 steps, 50Hz, 144x144mm	24	144x144x88	RGA-24S-OG	14.100.000
Intelligent PFR 32 steps	32	120x120x85	PFR-Z32	5.800.000

Note: The price does not include VAT

HARMONIC FILTER REACTOR 7%, 14% (TUV Quality)

Specifications

Specially designed for high saturation, linearity at 1.8In
Forming wire wrap eliminates axial force when subjected to impulse
Vacuum drying of insulating paint, ensuring safety and reducing noise level (≤65dB)
Equipped with a temperature sensor to protect against overheating
Compact size, easy to install and connect

Rated voltage Un: 250 + 800V; 50Hz
Capacity: 5 + 100kVAR (order special size)
Impedance ratio: 6%, 7%, 13%, 14%
Design limitations U3=0.5%, U6=5%, U7=5%, U11=3.5%
Standard: IEC60076-6

Description	Capacity (kVAR/V)	Dimension WxDxH (mm)	Item code	Price (VND)
Harmonic filter reactor 10kVAr, 440V, 7%	4,31	10/440	182x120x170	BRH3-7/400/10 4.160.000
Harmonic filter reactor 15kVAr, 440V 7%	2.88	15/440	210x135x200	BRH3-7/400/15 5.200.000
Harmonic filter reactor 20kVAr, 440V 7%	2,16	20/440	240x170x180	BRH3-7/400/20 5.900.000
Harmonic filter reactor 25kVAr, 440V 7%	1,73	25/440	240x160x200	BRH3-7/400/25 7.280.000
Harmonic filter reactor 30kVAr, 440V, 7%	1,44	30/440	240x165x200	BRH3-7/400/30 7.540.000
Harmonic filter reactor 40kVAr, 440V, 7%	1,08	40/440	275x175x230	BRH3-7/400/40 9.360.000
Harmonic filter reactor 50kVAr, 440V 7%	0,86	50/440	275x175x230	BRH3-7/400/50 8.890.000
Harmonic filter reactor 60kVAr, 440V, 7%	0,72	60/440	300x180x260	BRH3-7/400/60 11.270.000
Harmonic filter reactor 75kVAr, 440V, 7%	0,58	75/440	300x220x260	BRH3-7/400/75 15.090.000
Harmonic filter reactor 80kVAr, 440V, 7%	0,54	80/440	300x220x260	BRH3-7/400/80 15.610.000
Harmonic filter reactor 100kVAr, 440V, 7%	0,43	100/440	330x230x290	BRH3-7/400/100 15.780.000
Harmonic filter reactor 30kVAr, 525V, 14%	4,09	30/525	295x195x235	BRH3 14/400/30 13.610.000
Harmonic filter reactor 40kVAr, 525V, 14%	3,07	40/525	300x200x265	BRH3 14/400/40 18.470.000
Harmonic filter reactor 50kVAr, 525V, 14%	2,46	50/525	330x200x290	BRH3 14/400/50 19.070.000
Harmonic filter reactor 100kVAr, 525V, 14%	1,23	100/525	420x250x315	BRH3 14/400/100 30.610.000
Discharge coil 20kVAr - 100kVAr			55x72x62	BRh DC 3.000.000



AUTOMATIC TRANSFER SWITCH ATS (KERI Quality)

Specifications


Solid structure, compact design
Operation A <-> OFF <-> B is safe
Fast operating speed (OFF ≤ 30ms; ON ≤ 60ms)
Operation durability 5,000 /10,000 times, frequency 150 times/hour


Rated voltage Un: 600VAC; 50/60Hz
Current: 100 + 1600A; 3P, 4P
Control volatge: 120VDC / 110 / 220VAC
Standard: IEC 60947-6-1 / UL1008

Rated current (A)	Connection	Pole	Remarks	Item code	Price (VND)
100	Front	2	ON-OFF-ON	HK-100TNF2	9,960,000
	Front	3	ON-OFF-ON	HK-100TNF3	14,500,000
	Front	4	ON-OFF-ON	HK-100TNF4	15,750,000
200	Front	2	ON-OFF-ON	HK-200TNF2	11,200,000
	Front	3	ON-OFF-ON	HK-200TNF3	15,750,000
	Front	4	ON-OFF-ON	HK-200TNF4	17,640,000
400	Front	3	ON-OFF-ON	HK-400TNF3	25,200,000
	Front	4	ON-OFF-ON	HK-400TNF4	32,130,000
630	Front	3	ON-OFF-ON	HK-630TNF3	33,390,000
	Front	4	ON-OFF-ON	HK-630TNF4	36,500,000
800	Back	3	ON-OFF-ON	HK-800TNB3	34,000,000
	Back	4	ON-OFF-ON	HK-800TNB4	39,690,000
1000	Back	3	ON-OFF-ON	HK-1000TNB3	39,060,000
	Back	4	ON-OFF-ON	HK-1000TNB4	46,620,000
1250	Back	3	ON-OFF-ON	HK-1250TNB3	53,550,000
	Back	4	ON-OFF-ON	HK-1250TNB4	67,410,000
1600	Back	3	ON-OFF-ON	HK-1600TNB3	57,330,000
	Back	4	ON-OFF-ON	HK-1600TNB4	71,820,000
2000	Back	3	ON-OFF-ON	HK-2000TNB3	86,000,000
	Back	4	ON-OFF-ON	HK-2000TNB4	108,000,000
2500	Back	3	ON-OFF-ON	HK-2500TNB3	129,000,000
	Back	4	ON-OFF-ON	HK-2500TNB4	146,000,000
3200	Back	3	ON-OFF-ON	HK-3200TNB3	175,000,000
	Back	4	ON-OFF-ON	HK-3200TNB4	199,000,000
			ATS controller without screen	ATbS C53	4,000,000
			ATS controller without screen	Hanpro-1000	4,600,000
			ATS controller with screen	ATbS C55	4,300,000
			ATS controller with screen	ATbS C56	6,000,000

Note: The price does not include VAT

TỤ BÙ HẠ THỂ

Ảnh sản phẩm	Tên sản phẩm hạ thế Tụ dầu - Tụ vuông	Mã sản phẩm 425V	Giá bán VND/kAr	Mã sản phẩm 440V	Giá bán VND/kVAr
	TỤ BÙ 3P - 10KVAR (Tụ dầu)	ENU-41210KS	100,000	ENU-44210KS	106,000
	TỤ BÙ 3P - 15KVAR (Tụ dầu)	ENU-41215KS	100,000	ENU-44215KS	106,000
	TỤ BÙ 3P - 20KVAR (Tụ dầu)	ANU-41220KS	100,000	ANU-44220KS	106,000
	TỤ BÙ 3P - 25KVAR (Tụ dầu)	ANU-41225KS	100,000	ANU-44225KS	106,000
	TỤ BÙ 3P - 30KVAR (Tụ dầu)	ANU-41230KS	100,000	ANU-44230KS	106,000
	TỤ BÙ 3P - 40KVAR (Tụ dầu)	ANU-41240KS	94,000	ANU-44240KS	106,000
	TỤ BÙ 3P - 50KVAR (Tụ dầu)	ANU-41250KS	94,000	ANU-44250KS	100,000

Ảnh sản phẩm	Tên sản phẩm hạ thế Tụ khô - Tụ tròn - Tụ giấy	Mã sản phẩm 415V	Giá bán VND/kAr	Mã sản phẩm 440V	Giá bán VND/kVAr
	TỤ BÙ 3P - 5KVAR (Tụ khô)	KNE-4139205S	***	KNE-4438205S	186,000
	TỤ BÙ 3P - 10KVAR (Tụ khô)	KNE-4131846S	***	KNE-4431646S	104,000
	TỤ BÙ 3P - 15KVAR (Tụ khô)	KNE-4132786S	***	KNE-4432476S	80,000
	TỤ BÙ 3P - 20KVAR (Tụ khô)	KNE-4133706S	***	KNE-4433296S	78,000
	TỤ BÙ 3P - 25KVAR (Tụ khô)	KNE-4134626S	***	KNE-4434116S	78,000
	TỤ BÙ 3P - 30KVAR (Tụ khô)	KNE-4135566S	***	KNE-4434936S	78,000
	TỤ BÙ 3P - 40KVAR (Tụ khô)	KNE-4137406S	***	KNE-4436586S	78,000
	TỤ BÙ 3P - 50KVAR (Tụ khô)	KNE-4139246S	***	KNE-4438226S	78,000

CUỘN KHÁNG DÙNG CHO TỤ BÙ



Ảnh sản phẩm	Cuộn kháng hạ thế p7% và p14%	Mã sản phẩm p14%	Giá bán Cuộn	Mã sản phẩm 440V	Giá bán VND/kVAr
	Cuộn kháng dùng cho tụ 10KVAR	NSR-L14.442010A	***	NSR-L7.442010A	***
	Cuộn kháng dùng cho tụ 15KVAR	NSR-L14.442015A	***	NSR-L7.442015A	***
	Cuộn kháng dùng cho tụ 20KVAR	NSR-L14.442020A	***	NSR-L7.442020A	***
	Cuộn kháng dùng cho tụ 25KVAR	NSR-L14.442025A	***	NSR-L7.442025A	***
	Cuộn kháng dùng cho tụ 30KVAR	NSR-L14.442030A	***	NSR-L7.442030A	***
	Cuộn kháng dùng cho tụ 40KVAR	NSR-L14.442040A	***	NSR-L7.442040A	***
	Cuộn kháng dùng cho tụ 50KVAR	NSR-L14.442050A	***	NSR-L7.442050A	14,000,000
	Cuộn kháng dùng cho tụ 60KVAR	NSR-L14.442060A	***	NSR-L7.442060A	***
	Cuộn kháng dùng cho tụ 75KVAR	NSR-L14.442075A	***	NSR-L7.442075A	***
	Cuộn kháng dùng cho tụ 80KVAR	NSR-L14.442080A	***	NSR-L7.442080A	***
	Cuộn kháng dùng cho tụ 100KVAR	NSR-L14.442100A	***	NSR-L7.442100A	***
	Cuộn kháng dùng cho tụ 120KVAR	NSR-L14.442120A	***	NSR-L7.442120A	***
	Cuộn kháng dùng cho tụ 150KVAR	NSR-L14.442150A	***	NSR-L7.442150A	***
	Cuộn kháng dùng cho tụ 200KVAR	NSR-L14.442200A	***	NSR-L7.442200A	***

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT


Bảo hành 1 đổi 1 trong vòng 12 tháng

Tụ Nuintek là sản phẩm mang thương hiệu Hàn Quốc đầy đủ xuất xứ và chứng nhận chất lượng.

STT	CHỦNG LOẠI	DÒNG ĐỊNH MỨC	CHU KỲ	Giá bán	
				3 Cực	4 Cực
1	SS-61-TN	100	ON-OFF-ON	14,520,000	14,850,000
2	SS-62-TN	200	ON-OFF-ON	15,950,000	16,940,000
3	SS-64-TN	400	ON-OFF-ON	24,860,000	30,140,000
4	SS-66-TN	600	ON-OFF-ON	30,580,000	33,770,000
5	OSS-608-PC	800	ON-ON	31,350,000	38,060,000
6	OSS-610-PC	1,000	ON-ON	35,750,000	42,790,000
7	OSS-612-PC	1,200	ON-ON	48,950,000	61,600,000
8	OSS-616-PC	1,600	ON-ON	51,920,000	63,690,000
9	OSS-620-PC	2,000	ON-ON	77,000,000	94,600,000
10	OSS-625-PC	2,500	ON-ON	111,100,000	127,600,000
11	OSS-632-PC	3,200	ON-ON	145,200,000	171,600,000
12	OSS-640-PC	4,000	ON-ON	275,000,000	300,000,000
13	OSS-650-PC	5,000	ON-ON	330,000,000	380,000,000
14	OSS-663-PC	6,300	ON-ON	490,000,000	540,000,000
15	Bộ điều khiển		ACD	7,000,000	

-  **BỘ ĐIỀU KHIỂN TỰ BÙ RELAY MIKRO**
-  **ĐỒNG HỒ ĐO ĐA CHỨC NĂNG SELEC**
-  **TỰ BÙ SAMWHA - TỰ BÙ EPCOS - TỰ BÙ MIKRO**



Ảnh sản phẩm	Thương hiệu	Tên sản phẩm	Mã hàng	Giá bán (VND)
	Mikro	Bộ điều khiển 6b nhỏ 96x96	PFR96-415	3,570,000
		Bộ điều khiển 6b to 144x144	PFR60-415	3,680,000
		Bộ điều khiển 8b 144x144	PFR80-415	3,980,000
		Bộ điều khiển 12b 144x144	PFR120	4,520,000
		Bộ điều khiển 14b 144x144	FPR140	5,150,000
		Relay bảo mất pha, ngược pha	MX 100	1,040,000
		Relay bảo vệ quá áp, thấp pha, mất pha	MX 200	1,480,000
	Selec	Relay bảo vệ kết hợp quá dòng chạm đất	NX 1000A-240A	10,720,000
		Đồng hồ điện đa chức năng MFM383A	MFM383A	2,239,000
		Đồng hồ đa điện chức năng MFM383C	MFM383C	2,723,000
	Samwaha	Đồng hồ đa điện chức năng MFM384C	MFM384C	3,328,000
		Tụ bù Ensung 10 đến 50kVAR 440V (VND/kVAr)		70,000
		Tụ bù SamWaha 10 đến 50kVAr 415 (VND/kVAr)		65,000
		Tụ bù Samwaha khô 20kVAr đến 30kVAr (VND/kVAr)		55,000
		Tụ bù Samwaha khô 40kVAr đến 50kVAr 440V (VND/kVAr)		63,333
	Ducati	Tụ bù Epcos khô 20kVAr đến 30kVAr		55,000
		Tụ bù Ducati		Call
		Tụ bù Mikro		Call
		Tụ bù SamWaha 10kVAr 440V		Call
	Shizuki	Tụ bù Shizuki		Call
		Tụ bù Enerlux		Call
		Tụ bù Electronicon		Call

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Cầu dao điện MCCB (APTOMAT) loại khối 2 Pha				Cầu dao điện MCCB (APTOMAT) loại khối 4 Pha			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán	Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
ABN52c	15-20-30-40-50A	30	830,000	ABN54c	15-20-30-40-50A	18	1,250,000
ABN62c	60A	30	920,000	ABN104c	15,20,30,40,50,60,75,100A	22	1,530,000
ABN102c	15-20-30-40-50-60-75-100A	35	1,090,000	ABN204c	125,150,175,200,225,250A	30	2,880,000
ABN202c	125-150-175-200-225-250A	65	2,010,000	ABN404c	250-300-350-400A	42	6,880,000
ABN402c	250-300-350-400A	50	4,900,000	ABN804c	500-630A	45	12,880,000
ABS32c	5-10-15-20-30A	25	790,000	ABN804c	700-800A	45	15,100,000
ABS52c	15-20-30-40-50A	35	880,000	ABS54c	15-20-30-40-50A	22	1,300,000
ABS102c	40-50-60-75-100-125A	85	1,450,000	ABS104c	20,30,40,50,60,75,100,125A	42	1,970,000
ABS202c	125-150-175-200-225-250A	85	2,250,000	ABS204c	150,175,200,225,250A	42	3,270,000
BS32c (không vỏ)	6-10-15-20-30A	1.5	96,000	ABS404c	250-300-350-400A	65	7,900,000
BS32c w/c (có vỏ)	6-10-15-20-30A	1.5	138,000	ABS804c	500-630A	75	16,600,000
Cầu dao điện MCCB (APTOMAT) loại khối 3 Pha				ABS804c	700-800A	75	18,800,000
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán	ABS1004b	1000A	65	32,200,000
ABN53c	15-20-30-40-50A	18	950,000	ABS1204b	1200A	65	35,200,000
ABN63c	60A	18	1,090,000	TS1000N 4P	1000A	50	52,000,000
ABN103c	15,20,30,40,50,60,75,100A	22	1,260,000	TS1250N 4P	1250A	50	55,000,000
ABN203c	100,125,150,175,200,225,250A	30	2,400,000	TS1600N 4P	1600A	50	66,000,000
ABN403c	250-300-350-400A	42	5,980,000	TS1000H 4P	1000A	70	56,000,000
ABN803c	500-630A	45	11,450,000	TS1250H 4P	1250A	70	64,000,000
ABN803c	700-800A	45	13,000,000	TS1600H 4P	1600A	70	80,000,000
ABS33c	5-10-20-30A	14	930,000	Cầu dao điện ELCB 2 pha loại chống rò điện			
ABS53c	15-20-30-40-50A	22	1,040,000	Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
ABS103c	15,20,30,40,50,60,75,100,125A	42	1,700,000	32GRc	15-20-30A	1.5	380,000
ABS203c	125,150,175,200,225,250A	42	2,780,000	32GRhS	15-20-30A	2.5	380,000
ABS403c	250-300-350-400A	65	6,400,000	32KGRd	15-20-30A	2.5	380,000
ABS803c	500-630A	75	13,400,000	EBS52Fb	40-50A	5	640,000
ABS803c	700-800A	75	14,400,000	EBE102Fb	60-75-100A	5	1,150,000
ABS1003b	1000A	65	28,000,000	EBN52c	15-20-30-40-50A	30	1,520,000
ABS1203b	1200A	65	30,000,000	EBN102c	60-75-100A	35	2,080,000
TS1000N 3P	1000A	50	43,000,000	Cầu dao điện ELCB 2 pha loại chống rò điện			
TS1250N 3P	1250A	50	45,000,000	EBN53c	15,20,30,40,50A	14	1,900,000
TS1600N 3P	1600A	50	54,000,000	EBN103c	60,75,100A	18	2,500,000
TS1000H 3P	1000A	70	45,000,000	EBN203c	125,150,175,200,225,250A	26	5,500,000
TS1250H 3P	1250A	70	48,000,000	EBN403c	250,300,350,400A	37	9,900,000
TS1600H 3P	1600A	70	57,000,000	EBN803c	500,630A	37	18,800,000
TS1000L 3P	1000A	150	63,000,000	EBN803c	800A	37	24,000,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

MCCB 3 Pha loại khối chỉnh dòng (0.7-0.85-1.0) x in max				Cầu dao điện ELCB 4 cực loại khối chống rò điện			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán	Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
ABS103c FMU	20,25,32,40,50,63,80,100,125A	37	2,090,000	EBS104c	15,20,30,40,50,60,75,100A	18	3,400,000
ABS203c FMU	100,125,160,200,250A	37	3,200,000	EBS204c	125,150,175,200,225,250A	37	7,900,000
MCCB 4 Pha loại khối chỉnh dòng (0.7-0.85-1.0) x in max				PHỤ KIỆN CẦU DAO ĐIỆN (MCCB)			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán	Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
ABS104c FMU	20,25,32,40,50,63,80,100,125A	37	2,450,000	Cuộn đóng ngắt	SHT for ABN100c~ABH250c		770,000
ABS204c FMU	100,125,160,200,250A	37	4,000,000	Shunt Trip (SHT)	SHT for ABN403c~803c		930,000
					SHT for ABS1003b~1204b		1,600,000
					SHT for TS1000~1600		1,320,000
				Cuộn bảo vệ thấp áp	UVT for ABN100c~ABH250c		960,000
				Under Vol. Trip (UVT)	UVT for ABN403c~803c		1,150,000
					UVT for ABS1003b~1204b		1,500,000
					UVT for TS1000~1600		1,600,000
				Tiếp điểm phụ	AX for ABN100c~ABH250c		300,000
				Auxiliary switch (AX)	AX for ABN403c~803c		450,000
					AX for ABS1003b~1204b		480,000
					AX for TS1000~1600		396,000
				Tiếp điểm cảnh báo	AL for ABN100c~ABH250c		300,000
				Alarm switch (AL)	AL for ABN403c~803c		450,000
					AL for ABS1003b~1204b		480,000
					AL for TS1000~1600		396,000
				AL và AX	AL/AX for ABN100c~ABH250c		640,000
				Tấm chắn pha:	IB-13 for ABN52~103c		9,000
				Insulation barrier	IB-23 for ABS103c~ABN/S203c		18,000
					B-43B for ABN/S403c		32,000
					Barrier insulation for ABS803c/TS630		35,000
					Barrier insulation for ABS1200b		38,000
				Tay xoay	DH100-S for ABN103c		560,000
				Handle (DH loại gắn trực tiếp)	DH125-S for ABS125c		580,000
					DH250-S for ABH250c		590,000
					N~70S for ABN403c		1,200,000
					N~80S for ABN803c		1,200,000
				Mô tơ điều khiển On/ Off cho MCCB	EH100-S for ABN103c		830,000
				Motor operator (MOP)	EH125-S for ABS125c		830,000
					EH250-S for ABN250c		860,000
					E-70U for ABN403c		1,850,000
					E-80U for ABN803c		2,100,000
					MOP M1 for ABN52c~104c		5,200,000
					MOP M2 for ABS/H103c~104c		5,700,000
					MOP M3 for ABN/S/H202c~204c		7,100,000
					MOP M4 for ABN/S/H402c~404c		8,700,000
					MOP M5 for ABN/S/H802c~804c		10,400,000
					MOP M6 for ABS1003b~1204b		12,500,000
				Khoá liên động	MI-13S for ABN53~103c		820,000
				(Mechanical interlock)	MI-23S for ABS103c		840,000
					MI-33S for ABN/S203c		860,000
					MI-43S for ABN/S403c		1,200,000
					MI-83S for ABN/S803c		1,400,000
				Thanh cái	Busbar for ABN/S803c		2,500,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Cầu dao điện loại tép MCB (gắn trên thanh ray)			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
BKJ63N 1P	6-10-16-20-25-32A	6KA	96,000
BKJ63N 1P	40-50-63A	6KA	102,000
BKJ63N 2P	6-10-16-20-25-32A	6KA	212,000
BKJ63N 2P	40-50-63A	6KA	218,000
BKJ63N 3P	6-10-16-20-25-32A	6KA	338,000
BKJ63N 3P	40-50-63A	6KA	344,000
BKJ63N 4P	6-10-16-20-25-32A	6KA	490,000
BKJ63N 4P	40-50-63A	6KA	560,000
BKN-b 1P	6-10-16-20-25-32A	10KA	138,000
BKN-b 1P	40-50-63A	10KA	160,000
BKN-b 2P	6-10-16-20-25-32A	10KA	300,000
BKN-b 2P	40-50-63A	10KA	338,000
BKN-b 3P	6-10-16-20-25-32A	10KA	480,000
BKN-b 3P	40-50-63A	10KA	580,000
BKN-b 4P	6-10-16-20-25-32A	10KA	710,000
BKN-b 4P	40-50-63A	10KA	830,000
BKH 1P	80-100A	10KA	270,000
BKH 1P	125A	10KA	500,000
BKH 2P	80-100A	10KA	574,000
BKH 2P	125A	10KA	650,000
BKH 3P	80-100A	10KA	910,000
BKH 3P	125A	10KA	1,010,000
BKH 4P	80-100A	10KA	1,180,000
BKH 4P	125A	10KA	1,550,000

Thiết bị chống sét (Surge Protective Device)			
Tên hàng	Rate voltage-KV-KA	Pole	Giá bán
SPL2-80S	220VAC-3.0KV-80KA	2W+G	8,300,000
SPY2-40S	380/220VAC-2.5KV-40KA	4W+G	8,300,000
SPY2-80S	380/220VAC-3.0KV-80KA	4W+G	11,500,000
SPY1-120S	380/220VAC-2.0KV-120KA	4W+G	14,100,000
SPY1-160S	380/220VAC-2.0KV-160KA	4W+G	19,100,000
SPY1-200S	380/220-2.0KV-200KA	4W+G	19,800,000
SPT2-40S	220VAC-2.5KV-40KA	3W+G	9,000,000
SPT2-40S	380VAC-2.5KV-40KA	3W+G	9,000,000
SPT2-80S	380VAC-3.0KV-80KA	3W+G	12,900,000
SPT1-120S	380VAC-2.0KV-120KA	3W+G	14,700,000
SPT1-160S	380VAC-2.0KV-160KA	3W+G	18,700,000
SPT2-80S	440VAC-3.0KV-80KA	3W+G	12,900,000
SPT1-120S	440VAC-2.0KV-120KA	3W+G	14,700,000
SPT1-160S	440VAC-2.0KV-160KA	3W+G	18,700,000

Cầu dao điện loại tép bảo vệ quá tải và chống rò rỉ điện RCBO			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
RKP 1P+N	3-6-10-16-20-25-32A	4.5	490,000
RKC 1P+N	6-10-16-20-25A	6	900,000
RKC 1P+N	32A	4.5	900,000
RKS 1P+N	6-10-16-20-25-32A	10	1,050,000

Cầu dao điện loại tép chống rò rỉ điện RCCB (gắn thanh ray)			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
RKN 1P+N	25-32-40A	6KA	740,000
RKN 1P+N	63A	6KA	760,000
RKN 3P+N	25-32-40A	6KA	1,050,000
RKN 3P+N	63A	6KA	1,150,000
RKN-b 1P+N	25-32-40A	10KA	910,000
RKN-b 1P+N	63A	10KA	980,000
RKN-b 1P+N	80~100A	10KA	1,150,000
RKN-b 3P+N	25-32-40A	10KA	1,300,000
RKN-b 3P+N	63A	10KA	1,500,000
RKN-b 3P+N	80~100A	10KA	1,750,000

Thiết bị chống sét (Surge Protective Device)			
Tên hàng	Uc [V] L/N-PE	Icu (KA)	Giá bán
BK05S-T3 2P	385V	10KV	1,450,000
BK05S-T3 4P	385V	10KV	2,850,000
BK10S-T2 2P	385V	20KA	1,600,000
BK10S-T2 3P	385V	20KA	1,850,000
BK10S-T2 4P	385V	20KA	3,200,000
BK20S-T2 2P	385V	40KA	1,800,000
BK20S-T2 3P	385V	40KA	2,100,000
BK20S-T2 4P	385V	40KA	4,400,000
BK30S-T2 2P	385V	60KA	2,100,000
BK30S-T2 3P	385V	60KA	2,600,000
BK30S-T2 4P	385V	60KA	4,700,000
BK40S-T2 1P	385V	80KA	1,900,000
BK40S-T2 2P	385V	80KA	2,300,000
BK40S-T2 3P	385V	80KA	3,700,000
BK40S-T2 4P	385V	80KA	5,600,000

PHỤ KIỆN MCB	
Tên hàng	Giá bán
Auxiliary switch: AX for BKN-b/ BKJ63N	250,000
Alarm switch: AL for BKN-b/ BKJ63N	250,000
Shunt for BKN-b/ BKJ63N	440,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

KHỞI ĐỘNG TỪ 3 PHA (CONTACTOR 3 POLES) - AC Coil		
Tên hàng	In (A)	Giá bán
MC-6a ⁽¹⁾	6A (1a)	340,000
MC-9a ⁽¹⁾	9A (1a)	360,000
MC-12a ⁽¹⁾	12A (1a)	380,000
MC-18a ⁽¹⁾	18A (1a)	570,000
MC-9b ⁽²⁾	9A (1a1b)	380,000
MC-12b ⁽²⁾	12A (1a1b)	430,000
MC-18b ⁽²⁾	18A (1a1b)	610,000
MC-22b ⁽²⁾	22A (1a1b)	750,000
MC-32a ⁽²⁾	32A (2a2b)	1,080,000
MC-40a ⁽²⁾	40A (2a2b)	1,290,000
MC-50a ⁽³⁾	50A (2a2b)	1,700,000
MC-65a ⁽³⁾	65A (2a2b)	1,900,000
MC-75a ⁽⁴⁾	75A (2a2b)	2,150,000
MC-85a ⁽⁴⁾	85A (2a2b)	2,600,000
MC-100a ⁽⁴⁾	100A (2a2b)	3,380,000
MC-130a ⁽⁵⁾	130A (2a2b)	4,100,000
MC-150a ⁽⁵⁾	150A (2a2b)	5,250,000
MC-185a ⁽⁶⁾	185A (2a2b)	6,500,000
MC-225a ⁽⁶⁾	225A (2a2b)	7,800,000
MC-265a ⁽⁷⁾	265A (2a2b)	10,500,000
MC-330a ⁽⁷⁾	330A (2a2b)	11,500,000
MC-400a ⁽⁷⁾	400A (2a2b)	13,400,000
MC-500a ⁽⁸⁾	500A (2a2b)	26,300,000
MC-630a ⁽⁸⁾	630A (2a2b)	27,500,000
MC-800a ⁽⁸⁾	800A (2a2b)	35,400,000

CONTACTOR RELAYS		
Tên hàng	Thông số	Giá bán
MR-4 (2NO+2NC)	4 Poles AC	520,000
MR-6 (3NO+3NC)	6 Poles AC	620,000
MR-8 (4NO+4NC)	8 Poles AC	700,000
MR-4 (2NO+2NC)	4 Poles DC	580,000
MR-6 (3NO+3NC)	6 Poles DC	680,000
MR-8 (4NO+4NC)	8 Poles DC	790,000

TIẾP ĐIỂM PHỤ		
Tên hàng	Thông số	Giá bán
UA-1 (bên hông)	1NO+1NC dùng cho MC-6a~150a	110,000
UA-2 (bên trên)	1NO+1NC dùng cho MC-6a~150a	110,000
UA-4 (bên trên)	2NO+2NC dùng cho MC-6a~150a	180,000
AU-100 (bên hông)	1NO+1NC dùng cho MC-185a~800a	230,000

KHOÁ LIỀN ĐỘNG		
Tên hàng	Thông số	Giá bán
UR-2	MC-6a~150a	230,000
AR-180	MC-185a~400a	800,000
AR-600	MC-500a~800a	11,800,000

Cầu dao điện loại tép bảo vệ quá tải và chống rò rỉ điện RCBO		
Tên hàng	In (A)	Giá bán
MT-12 ⁽¹⁾	0.63~18A	390,000
MT-32 ⁽²⁾	0.63~19A	430,000
MT-32 ⁽²⁾	21.5~40A	430,000
MT-63 ⁽³⁾	34-50, 45-65A	830,000
MT-95 ⁽⁴⁾	54-75, 63-85, 70-95, 80-100A	1,400,000
MT-150 ⁽⁵⁾	80-105A, 95-130A, 110-150A	2,050,000
MT-225 ⁽⁶⁾	85-125, 100-160, 120-185, 160-240A	3,350,000
MT-400 ⁽⁷⁾	200-330A và 260-400A	4,800,000
MT-800 ⁽⁸⁾	400-630A và 520-800A	8,900,000

RƠ LÊ ĐIỆN TỪ - Electric motor protection relays		
Tên hàng	Thông số	Giá bán
GMP22-2P (1a1b)	0.3~1.5A, 1~5A, 4.4~22A	950,000
GMP22-3P (1a1b)	0.3~1.5A, 1~5A, 4.4~22A	1,450,000
GMP40-2P (1a1b)	4~20A, 8~40A	1,050,000
GMP40-3P (1a1b)	4~20A, 8~40A	1,550,000
GMP60-T (1c)	0.5~6A, 3~30A, 5~60A	900,000

(1) MT-12 dùng cho từ MC-6a đến MC-18a gồm các loại từ: 0.63-1A; 1-1.6A; 1.6-2.5A; 2.5-4A; 4-6A; 5-8A; 6-9A; 7-10A; 9-13A; 12-18A;

(2) MT-32 dùng cho MC-9b đến MC-40a gồm các loại từ: 0.63-1A; 1-1.6A; 1.6-2.5A; 2.5-4A; 4-6A; 5-8A; 6-9A; 16-22A; 18-25A; 22-32A; 28-40A;

(3) MT-63 dùng cho từ MC-50a và MC-65a

(4) MT-95 dùng cho từ MC-75a, MC-85a và MC-100a

(5) MT-150a dùng cho MC-130 & MC-150a

(6) MT-225 dùng cho MC-185a và MC-225a

(7) MT-400 dùng cho MC-265a, MC-330a và MC-400a

(8) MT-800 dùng cho MC-500a, MC-630a và MC-800a

*** GMP22 dùng cho MC-9b~22b, GMP40 dùng cho MC32a-40a**

CUỘN HÚT KHỞI ĐỘNG TỪ		
Tên hàng	Thông số	Giá bán
Coil for MC6a, 9a, 12a, 18a, 9b, 12b, 18b, 22b		210,000
Coil for MC32a, 40a		210,000
Coil for MC-50a, 65a		250,000
Coil for MC-75a, 85a, 100a		320,000
Coil for MC-130a, 150a		1,650,000
Coil for MC-185a, 225a		2,350,000
Coil for MC-330a, 400a		3,950,000
Coil for MC-630a, 800a		5,550,000

TỤ BÙ (CAPACITOR FOR CONTACTOR)		
Tên hàng	Thông số	Giá bán
AC-9	MC-6a~40a	420,000
AC-50	MC-50a~65a	550,000
AC-75	MC-75a~100a	550,000

HỘP CHO KHỞI ĐỘNG TỪ (Encloser)		
Tên hàng	Thông số	Giá bán
MW-9bB~22bB	Steel dùng cho MC-6a~22b	750,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Cầu dao điện ACB METASOL 3 Pha (loại cố định)				ACB METASOL 3 Pha loại cố định - chưa có Motor, SHT. CC và UVT			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán	Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
AN-06D3-06H AG6/AH6	630A	65	46,500,000	AN-06D3-06H NG5/NH5 without ACC	630A	65	33,000,000
AN-08D3-08H AG6/AH6	800A	65	51,500,000	AN-08D3-08H NG5/NH5 without ACC	800A	65	38,000,000
AN-10D3-10H AG6/AH6	1000A	65	52,900,000	AN-10D3-10H NG5/NH5 without ACC	1000A	65	39,300,000
AN-13D3-13H AG6/AH6	1250A	65	54,300,000	AN-13D3-13H NG5/NH5 without ACC	1250A	65	41,000,000
AN-16D3-16H AG6/AH6	1600A	65	59,000,000	AN-16D3-16H NG5/NH5 without ACC	1600A	65	46,000,000
AS-20E3-20H AG6/AH6	2000A	85	79,000,000	AS-20E3-20H NG5/NH5 without ACC	2000A	85	66,000,000
AS-25E3-25H AG6/AH6	2500A	85	110,000,000	AS-25E3-25H NG5/NH5 without ACC	2500A	85	97,000,000
AS-32E3-32H AG6/AH6	3200A	85	125,000,000	AS-32E3-32H NG5/NH5 without ACC	3200A	85	113,000,000
AS-40E3-40V AG6/AH6	4000A	85	214,000,000	AS-40E3-40V NG5/NH5 without ACC	4000A	85	199,000,000
AS-40F3-40H AG6/AH6	4000A	100	220,000,000	AS-40F3-40H NG5/NH5 without ACC	4000A	100	205,000,000
AS-50F3-50H AG6/AH6	5000A	100	225,000,000	AS-50F3-50H NG5/NH5 without ACC	5000A	100	209,720,000
AS-63G3-63H AG6/AH6	6300A	120	375,000,000	AS-63G3-63H NG5/NH5 without ACC	6300A	120	360,000,000
Cầu dao điện ACB METASOL 4 Pha (loại cố định)				ACB METASOL 4 cực loại cố định - chưa có Motor, SHT. CC và UVT			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán	Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
AN-06D3-06H AG6/AH6	630A	65	52,900,000	AN-06D3-06H NG5/NH5 without ACC	630A	65	39,500,000
AN-08D3-08H AG6/AH6	800A	65	58,000,000	AN-08D3-08H NG5/NH5 without ACC	800A	65	44,500,000
AN-10D3-10H AG6/AH6	1000A	65	60,000,000	AN-10D3-10H NG5/NH5 without ACC	1000A	65	46,000,000
AN-13D3-13H AG6/AH6	1250A	65	63,000,000	AN-13D3-13H NG5/NH5 without ACC	1250A	65	49,500,000
AN-16D3-16H AG6/AH6	1600A	65	69,000,000	AN-16D3-16H NG5/NH5 without ACC	1600A	65	55,000,000
AS-20E3-20H AG6/AH6	2000A	85	94,000,000	AS-20E3-20H NG5/NH5 without ACC	2000A	85	80,500,000
AS-25E3-25H AG6/AH6	2500A	85	130,000,000	AS-25E3-25H NG5/NH5 without ACC	2500A	85	116,000,000
AS-32E3-32H AG6/AH6	3200A	85	155,000,000	AS-32E3-32H NG5/NH5 without ACC	3200A	85	140,000,000
AS-40E3-40V AG6/AH6	4000A	85	260,000,000	AS-40E3-40V NG5/NH5 without ACC	4000A	85	245,000,000
AS-40F3-40H AG6/AH6	4000A	100	270,000,000	AS-40F3-40H NG5/NH5 without ACC	4000A	100	260,000,000
AS-50F3-50H AG6/AH6	5000A	100	280,000,000	AS-50F3-50H NG5/NH5 without ACC	5000A	100	270,000,000
AS-63G3-63H AG6/AH6	6300A	120	490,000,000	AS-63G3-63H NG5/NH5 without ACC	6300A	120	470,800,000
PHỤ KIỆN ACB				PHỤ KIỆN ACB			
Bộ bảo vệ thấp áp	UVT coil	2,200,000		Khóa liên động	2-way (dùng cho 2 ACB)		9,600,000
(UVT+UDC)	UDC: UVT Controller	2,400,000		(Mechanical Interlock)	3-way (dùng cho 3 ACB)		18,000,000
Shunt Coil (cuộn mở)	SHT for ACB	1,300,000		Tám chắn pha	IB for ACB 630A~6300A		480,000
Cuộn đóng	Closing coil for ACB	1,600,000		Mô tơ nạp	Motor		5,900,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

MCCB loại High-End, Suboi Series Icu từ 50KA-150KA, Isc-100% Icu

Cầu dao điện Susol MCCB (APTOMAT) loại 3 Pha				Cầu dao điện Susol MCCB (APTOMAT) loại 4 Pha			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán	Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
FTU: loại không chỉnh dòng				FTU: Fixed thermal, fixed magnetic trip units			
TD100N FTU100 3P	16,20,25,32,40,50, 63, 80,100A	50	2,400,000	TD100N FTU100 4P	16,20,25,32,40,50, 63, 80,100A	50	2,800,000
TD160N FTU160 3P	125A	50	2,850,000	TD160N FTU160 4P	125A	50	3,500,000
TD160N FTU160 3P	160A	50	3,400,000	TD160N FTU160 4P	160A	50	4,600,000
TS100N FTU100 3P	40, 50, 63, 80, 100A	50	2,400,000	TS100N FTU100 4P	40, 50, 63, 80, 100A	50	3,300,000
TS160N FTU160 3P	100, 125A	50	3,300,000	TS160N FTU160 4P	100, 125A	50	4,550,000
TS160N FTU160 3P	160A	50	3,700,000	TS160N FTU160 4P	160A	50	5,200,000
TS250N FTU250 3P	125, 160, 200A	50	4,800,000	TS250N FTU250 4P	125, 160, 200A	50	6,400,000
TS250N FTU250 3P	250A	50	5,700,000	TS250N FTU250 4P	250A	50	7,600,000
TS400N FTU400 3P	300, 400A	65	8,200,000	TS400N FTU400 4P	300, 400A	65	10,500,000
TS630N FTU630 3P	500, 630A	65	11,900,000	TS630N FTU630 4P	500, 630A	65	12,800,000
TS800N FTU800 3P	800A	65	14,800,000	TS800N FTU800 4P	800A	65	19,000,000
FMU: loại chỉnh dòng (nhiệt) 3 bước 0.8, 0.9, 1.0 x In				FMU: Adjustable thermal: 0.8~1 x In, fixed magnetic			
TD100N FMU100 3P	16,20,25,32,40,50, 63, 80,100A	50	2,550,000	TD100N FMU100 4P	16,20,25,32,40,50, 63, 80,100A	50	2,950,000
TD160N FMU160 3P	125A	50	3,150,000	TD160N FMU160 4P	125A	50	4,600,000
TD160N FMU160 3P	160A	50	3,550,000	TD160N FMU160 4P	160A	50	5,350,000
TS100N FMU100 3P	40, 50, 63, 80, 100A	50	2,550,000	TS100N FMU100 4P	40, 50, 63, 80, 100A	50	3,600,000
TS160N FMU160 3P	100, 125A	50	3,440,000	TS160N FMU160 4P	100, 125A	50	4,650,000
TS160N FMU160 3P	160A	50	3,880,000	TS160N FMU160 4P	160A	50	5,400,000
TS250N FMU250 3P	125, 160, 200A	50	5,070,000	TS250N FMU250 4P	125, 160, 200A	50	6,840,000
TS250N FMU250 3P	250A	50	6,000,000	TS250N FMU250 4P	250A	50	8,000,000
TS400N FMU400 3P	300, 400A	65	8,900,000	TS400N FMU400 4P	300, 400A	65	11,300,000
TS630N FMU630 3P	500, 630A	65	13,300,000	TS630N FMU630 4P	500, 630A	65	17,000,000
TS800N FMU800 3P	800A	65	16,400,000	TS800N FMU800 3P	800A	65	21,500,000
ATU: loại chỉnh dòng cắt (nhiệt) và dòng ngắn mạch (từ)				ETS: loại chỉnh dòng chip relay điện tử 13 bước từ 0.4 ->1 x In			
TS160N ATU160 3P	125A	50	3,750,000	TS100N ETS23 3P	80A	50	4,170,000
TS160N ATU160 3P	160A	50	4,100,000	TS160N ETS23 3P	40, 80, 160A	50	5,160,000
TS250N ATU250 3P	200A	50	5,200,000	TS250N ETS23 3P	250A	50	7,100,000
TS250N ATU250 3P	250A	50	6,400,000	TS400N ETS33 3P	400A	65	10,850,000
TS400N ATU400 3P	400A	65	9,650,000	TS630N ETS33 3P	630A	65	16,600,000
TS630N ATU630 3P	630A	65	14,000,000	TS800N ETS43 3P	800A	65	19,000,000
TS800N ATU800 3P	800A	65	18,000,000				
PHỤ KIỆN MCCB Susol				Busbar (thanh cái)			
Tên hàng			Giá bán	Tên hàng			Giá bán
Shunt release: SHT for TD/TS100->800			760,000	Spreader SP33a for TS400-TS630			1,100,000
Undervoltage release: UVT for TD/TS100->800			1,200,000	Spreader SP43 for TS800			2,100,000
Auxiliary switch: AX for TD/TS100->800			370,000	Busbar for 3P TS1000/1250/1600N			11,000,000
Alarm switch: AL for TD/TS100->800			370,000	Motor operator (mô tơ nạp)			
Fault alarm switch: FAL for TD/TS100->800			370,000	MOP1 for TD100, 160			5,180,000
Auxiliary switch: AX for TS1000~1600			396,000	MOP2 for TS100, 160, 250			7,000,000
Alarm switch: AL for TS1000~1600			396,000	MOP3 for TS400, 630			9,500,000
				MOP4 for TS800			11,300,000
Direct Rotary Handle (tay xoay)				Extended Rotary Handle (tay xoay)			
DH1 for TD100, 160			630,000	EH1 for TD100, 160			1,100,000
DH2 for TS250			680,000	EH2 for TS250			1,120,000
DH3 for TS400, 630			1,250,000	EH3 for TS400, 630			2,450,000
DH4 for TS800			1,750,000	EH4 for TS800			2,460,000
DH5-S TS1000~1600			5,200,000	EH5-S TS1000~1600			6,000,000


Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Manual Motor Starter			Rơ le bảo vệ kỹ thuật số (Digital Protection Relay)			
Tên hàng	In (A)	Giá bán	Tên hàng	Thông số	Giá bán	
MMS-32S	0.63A (0.4~0.63)A	750,000	Đồng hồ điện đa năng kỹ thuật số (Digital Power MultiMeter)			
MMS-32S	1.0A (0.63~1.0)A	750,000	GIMAC-1000 EX,M485,5A,50Hz,AC/DC100~240V		9,100,000	
MMS-32S	1.6A (1.0~1.6)A	750,000	Thiết bị điều khiển và đo lường đa năng kỹ thuật số			
MMS-32S	2.5A (1.6~2.5)A	750,000	(Digital Integrated MultiMetering & Control Device)			
MMS-32S	4A (2.5~4)A	750,000	GIMAC-115P NO,RS,M,5A,50Hz,AC/DC110V		21,400,000	
MMS-32S	6A (4~6)A	750,000	RƠ LE ĐIỆN TỬ - Electric motor protection relays			
MMS-32S	8A (5~8)A	750,000	GMP22-2P (1a1b)	0.3~1.5A, 1~5A, 4.4~22A	950,000	
MMS-32S	10A (6~10)A	750,000	GMP22-3P (1a1b)	0.3~1.5A, 1~5A, 4.4~22A	1,450,000	
MMS-32S	13A (9~13)A	780,000	GMP40-2P (1a1b)	4~20A, 8~40A	1,050,000	
MMS-32S	17A (11~17)A	780,000	GMP40-3P (1a1b)	4~20A, 8~40A	1,550,000	
MMS-32S	22A (14~22)A	780,000	GMP60-T (1c)	0.5~6A, 3~30A, 5~60A	900,000	
MMS-32S	26A (18~26)A	780,000	RƠ LE KỸ THUẬT SỐ- Digital motor protection relay			
MMS-32S	32A (22~32A)	780,000	Tên hàng	Thông số	Giá bán	
MMS-63S	40A (28~40)A	2,000,000	DMP06i-SA 2a1b AC/DC85~260V	0.5~6A	5,200,000	
MMS-63S	50A (34~50)A	2,000,000	DMP06i-TZ 2a1b AC/DC85~260V	0.5~6A	5,400,000	
MMS-63S	63A (45~63)A	2,000,000	DMP06i-TZA 2a1b AC/DC85~260V	0.5~6A	5,800,000	
MMS-100S	75A (55~75)A	3,600,000	DMP65i-S 2a1b AC/DC85~260V	5~65A	4,800,000	
MMS-100S	90A (70~90)	4,000,000	DMP65i-TA 2a1b AC/DC85~260V	5~65A	5,000,000	
			DMP65i-TZ 2a1b AC/DC85~260V	5~65A	5,400,000	
			DMP65i-TZA 2a1b AC/DC85~260V	5~65A	5,800,000	
PHỤ KIỆN MMS			KHỞI ĐỘNG TỬ 4 PHA AC (Metasol)			
Tiếp điểm phụ (gắn bên trên): FX 1NO+1NC		190,000	Tên hàng	Tiếp điểm phụ	In (A)	Giá bán
Tiếp điểm phụ (gắn bên hông): LX 1NO+1NC		220,000	MC-9a/4		9A	500,000
Any Trip Alarm Switch: LA 1NO+1NC		280,000	MC-12a/4		12A	530,000
Magnetic Trip Alarm Switch: LAM 1NO+1NC		300,000	MC-18a/4		18A	720,000
			MC-22a/4		22A	830,000
			MC-32a/4		32A	1,250,000
			MC-40a/4		40A	1,350,000
			MC-50a/4		50A	2,050,000
			MC-65a/4		65A	2,460,000
			MC-75a/4		75A	3,150,000
			MC-85a/4		85A	3,400,000
			MC-100a/4	(2a2b)	100A	6,500,000
			MC-130a/4	(2a2b)	130A	7,000,000
			MC-150a/4	(2a2b)	150A	8,150,000
			MC-185a/4	(2a2b)	185A	9,100,000
			MC-225a/4	(2a2b)	225A	10,300,000
			MC-265a/4	(2a2b)	265A	16,600,000
			MC-330a/4	(2a2b)	330A	18,900,000
			MC-400a/4	(2a2b)	400A	20,900,000
			MC-500a/4	(2a2b)	500A	32,000,000
			MC-630a/4	(2a2b)	630A	35,000,000
			MC-800a/4	(2a2b)	800A	42,000,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Tên hàng	KW	HP	In (A)		Mô tả	Giá bán
3Ø 200V Class 0.4~7.5KW * Non-Filter Type.			HD	ND		
LSLV0004G100-2EONN	0.4KW	0.5HP	2.5A	3.1A	Biến tần đa năng: Sử dụng trong tất cả các ngành công nghiệp bao gồm gia công kim loại, máy đúc, thiết bị thủy lực/ điều hòa không khí, thực phẩm và đồ uống/ máy dệt, thang máy/ băng tải và xử lý môi trường nước. . Máy cắt/ uốn/ đánh bóng . Quạt/ Bơm . Máy ép/ băng tải . Máy hút bụi/ tủ đông . Máy nén/ thổi . Cầu trục (Nâng hạ, xe con, xe cầu)	4,050,000
LSLV0008G100-2EONN	0.75KW	1HP	5A	6A		4,400,000
LSLV0015G100-2EONN	1.5KW	2HP	8A	9.6A		5,050,000
LSLV0022G100-2EONN	2.2KW	3HP	11A	12A		5,950,000
LSLV0040G100-2EONN	4KW	5HP	17A	18A		6,700,000
LSLV0055G100-2EONN	5.5KW	7.5HP	24A	30A		9,950,000
LSLV0075G100-2EONN	7.5KW	10HP	32A	40A		11,150,000
LSLV0110G100-2EONN	11KW	15HP	47A	56A		20,800,000
LSLV0150G100-2EONN	15KW	20HP	60A	70A		23,900,000
LSLV0185G100-2EONN	18.5KW	25HP	75A	82A		27,600,000
LSLV0220G100-2EONN	22KW	30HP	88A		32,600,000	
3Ø 400V Class 0.4~7.5KW * Non-Filter Type.			HD	ND		
LSLV0004G100-4EONN	0.4KW	0.5HP	1.3A	2A	*HD(Heavy Duty): Tải nặng 150% dòng định mức/1 phút ** ND (Normal Duty): Tải nhẹ 120% dòng định mức/1 phút	4,340,000
LSLV0008G100-4EONN	0.75KW	1HP	2.5A	3.1A		4,600,000
LSLV0015G100-4EONN	1.5KW	2HP	4A	5.1A		5,050,000
LSLV0022G100-4EONN	2.2KW	3HP	5.5A	6.9A		5,700,000
LSLV0040G100-4EONN	4KW	5HP	9A	10A		6,750,000
LSLV0055G100-4EONN	5.5KW	7.5HP	12A	16A		9,550,000
LSLV0075G100-4EONN	7.5KW	10HP	16A	23A		10,500,000
LSLV0110G100-4EONN	11KW	15HP	47A	56A		18,300,000
LSLV0150G100-4EONN	15KW	20HP	60A	70A		20,000,000
LSLV0185G100-4EONN	18.5KW	25HP	75A	82A		23,700,000
LSLV0220G100-4EONN	22KW	30HP	88A		25,800,000	
3Ø 400V Class 0.4~7.5KW * Built-in Filter (C3)			HD	ND		
LSLV0004G100-4EOFN	0.4KW	0.5HP	1.3A	2A	 G100 is convenient to install, control, G100 is convenient for installation, control, and maintenance with diverse functions. <ul style="list-style-type: none"> Built-in Potentiometer Easy operation with built-in potentiometer Smart Copier Copy parameter (Read/Write) and download firmware without supplying power to drive Remote Keypad Copy parameter (Read/Write) using remote keypads 	4,600,000
LSLV0008G100-4EOFN	0.75KW	1HP	2.5A	3.1A		4,900,000
LSLV0015G100-4EOFN	1.5KW	2HP	4A	5.1A		5,300,000
LSLV0022G100-4EOFN	2.2KW	3HP	5.5A	6.9A		6,000,000
LSLV0040G100-4EOFN	4KW	5HP	9A	10A		7,150,000
LSLV0055G100-4EOFN	5.5KW	7.5HP	12A	16A		10,100,000
LSLV0075G100-4EOFN	7.5KW	10HP	16A	23A		11,000,000
LSLV0110G100-4EOFN	11KW	15HP	47A	56A		19,100,000
LSLV0150G100-4EOFN	15KW	20HP	60A	70A		20,500,000
LSLV0185G100-4EOFN	18.5KW	25HP	75A	82A		24,400,000
LSLV0220G100-4EOFN	22KW	30HP	88A		26,500,000	
LOADER REMOTE 2M (LSLV-G100),A2MT-G100					Bàn phím dùng gắn ngoài kèm cáp kết nối loại 2 mét	1,000,000


Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Tên hàng	KW	HP	In (A)		Mô tả	Giá bán	
Loại 3 pha 380~480VAC			HD	ND	: V/f, V/f PG, sensorless vector, sensored vector, CT/VT dual ratings, built-in RS485 (LS Bus / Modbus RTU)		
SV0008IS7-2NO	0.75	1HP	5A	8A	BIẾN TẦN HIỆU SUẤT CAO IS7 là một biến tần với hiệu suất và độ tin cậy cao có thể áp dụng cho mọi môi trường làm việc. Mục đích sử dụng: . Máy dầm, máy cán, máy kéo . Dây chuyền lắp ráp lốp xe . Thang máy, cần trục, cầu trục . Thiết bị đỗ xe, kho hàng tự động . Máy ép, máy rửa, máy khử nước, máy nén... 3 phase, 200~230 VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.01~400Hz,, tích hợp transistor điều khiển điện trở thẳng	10,200,000	
SV0015IS7-2NO	1.5	2HP	8A	12A		10,640,000	
SV0022IS7-2NO	2.2	3HP	12A	16A		11,320,000	
SV0037IS7-2NO	3.7	5HP	16A	24A		11,650,000	
SV0055IS7-2NO	5.5	7.5HP	24A	32A		13,200,000	
SV0075IS7-2NO	7.5	10HP	32A	46A		14,500,000	
SV0110IS7-2NO	11	15HP	46A	60A		22,900,000	
SV0150IS7-2NO	15	20HP	60A	74A		25,600,000	
SV0185IS7-2NO	18.5	25HP	74A	88A		34,400,000	
SV0220IS7-2NO	22	30HP	88A	124A		39,000,000	
SV0300IS7-2SO	30	40HP	116A	146A		3 phase, 200~230VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.01~400Hz, built-in keypad	58,200,000
SV0370IS7-2SO	37	50HP	146A	180A			67,800,000
SV0450IS7-2SO	45	60HP	180A	220A			76,500,000
SV0550IS7-2SO	55	75HP	220A	288A			101,500,000
SV0750IS7-2SO	75	100HP	288A	345A			112,700,000
Loại 3 pha 380~480VAC			HD	ND			Built-in RS485 (LS Bus / Modbus RTU)/ Ứng dụng cho các tải nặng như băng tải, máy khuấy, máy nén..., N: Chưa có màn hình, D: Tích hợp DC Reactor, Từ 0.75-22Kw tích hợp DBU
SV0008IS7-4NO	0.75	1HP	2.5A	4A	 3 pha, 380~480VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.01~400Hz, tích hợp transistor điều khiển điện trở thẳng	9,900,000	
SV0015IS7-4NO	1.5	2HP	4A	6A		10,300,000	
SV0022IS7-4NO	2.2	3HP	6A	8A		10,900,000	
SV0037IS7-4NO	3.7	5HP	8A	12A		11,100,000	
SV0055IS7-4NO	5.5	7.5HP	12A	16A		12,700,000	
SV0075IS7-4NO	7.5	10HP	16A	24A		13,800,000	
SV0110IS7-4NO	11	15HP	24A	30A		21,300,000	
SV0150IS7-4NO	15	20HP	30A	39A		23,600,000	
SV0185IS7-4NO	18.5	25HP	39A	45A		29,200,000	
SV0220IS7-4NO	22	30HP	45A	61A		33,100,000	
SV0300IS7-4NO	30	40HP	62A	75A		49,300,000	
SV0370IS7-4NO	37	50HP	75A	91A		53,600,000	
SV0450IS7-4NO	45	60HP	92A	110A		3 pha, 380~480 VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.01~400Hz	63,400,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT



Tên hàng	KW	HP	In (A)		Mô tả	Giá bán
SV0550IS7-4NO	55	75HP	111A	152A	3 pha, 380~480VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.01~400Hz, tích hợp transistor điều khiển điện trở thẳng, bộ lọc EMC, cuộn kháng DC	70,100,000
SV0750IS7-4NO	75	100HP	152A	183A		83,300,000
SV0008IS7-4NOFD	0.75	1HP	2.5A	4A		12,200,000
SV0015IS7-4NOFD	1.5	2HP	4A	6A		12,900,000
SV0022IS7-4NOFD	2.2	3HP	6A	8A		13,500,000
SV0037IS7-4NOFD	3.7	5HP	8A	12A		13,900,000
SV0055IS7-4NOFD	5.5	7.5HP	12A	16A		16,000,000
SV0075IS7-4NOFD	7.5	10HP	16A	24A		17,300,000
SV0110IS7-4NOFD	11	15HP	24A	30A		26,800,000
SV0150IS7-4NOFD	15	20HP	30A	39A		31,200,000
SV0185IS7-4NOFD	18.5	25HP	39A	45A		37,800,000
SV0220IS7-4NOFD	22	30HP	45A	61A		42,700,000
SV0300IS7-4NOD	30	40HP	65A	75A	3 pha, 380~480VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.01~400Hz, tích hợp cuộn kháng DC	54,800,000
SV0370IS7-4NOD	37	50HP	75A	91A		61,000,000
SV0450IS7-4NOD	45	60HP	91A	110A		72,100,000
SV0550IS7-4NOD	55	75HP	110A	152A		80,700,000
SV0750IS7-4NOD	75	100HP	152A	183A		91,500,000
SV0900IS7-4SOD	90	125HP	183A	223A	3 pha, 380~480VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.01~400Hz, tích hợp cuộn kháng DC, bàn phím	139,800,000
SV1100IS7-4SOD	110	150HP	223A	264A		148,500,000
SV1320IS7-4SOD	132	175HP	264A	325A		164,500,000
SV1600IS7-4SOD	160	215HP	325A	370A		211,900,000
SV1850IS7-4SOD	185	250HP	370A	432A		287,200,000
SV2200IS7-4SOD	220	300HP	432A	547A		302,300,000
SV2800IS7-4SO	285	350HP	547A	613A	3 pha, 380~480VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.01~400Hz, bàn phím	523,200,000
SV3150IS7-4SO	315	400HP	613A	731A		641,500,000
SV3750IS7-4SO	375	500HP	731A	877A		689,700,000
SV-IS7 LCD Key pad					Bảng điều khiển màn hình màu dùng cho iS7 (đa ngôn ngữ: English, Italian, Spanish, Russian, Turkish)	1,420,000
Remote cable 2m (for IS7)					Cáp kết nối bảng điều khiển và biến tần iS7 loại 2 mét	390,000
Remote cable 3m (for IS7)					Cáp kết nối bảng điều khiển và biến tần iS7 loại 3 mét	420,000
OPTION PROFIBUS-DP, SV-IS7						4,100,000
OPTION EXTENSION I/O, SV-IS7						3,080,000
ENCODER OPTION, SV-IS7						1,450,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Biến tần cho quạt và bơm: Loại 3 Pha 220~230VAC - IP20					ND	V/f, RS485 (LS Bus / Modbus RTU / BACnet / Metasys N2), Pulse train I/O, RTC(Real Time Clock), đã có màn hình (HAND/OFF/AUTO), USB Port/ Ứng dụng chuyên cho hệ HVAC, Bơm, Quạt...
LSLV0055H100-2CONN	5.5kW	7.5HP		22A	BIẾN TẦN CHO QUẠT VÀ BƠM Dùng trong các ngành công nghiệp: xây dựng, kim loại, bột giấy/ giấy, mỏ than, xử lý dầu khí và nước; (quạt/ bơm, máy sấy)	11,000,000
LSLV0075H100-2CONN	7.5kW	10HP		30A		12,500,000
LSLV0110H100-2CONN	11KW	15HP		42A		15,000,000
LSLV0150H100-2CONN	15KW	20HP		59A		19,000,000
LSLV0185H100-2CONN	18.5KW	25HP		69A		25,000,000
Biến tần cho quạt và bơm: Loại 3 Phase 380~480VAC - IP20, IP00					ND	
LSLV0055H100-4COFN	5.5kW	7.5HP		12A	 Built-in Dynamic braking transistor, EMC Filter (C3)	10,500,000
LSLV0075H100-4COFN	7.5kW	10HP		16A		12,000,000
LSLV0110H100-4COFN	11KW	15HP		24A		14,000,000
LSLV0150H100-4COFN	15KW	20HP		30A		18,400,000
LSLV0185H100-4COFN	18.5KW	25HP		38A		22,000,000
LSLV0220H100-4COFN	22KW	30HP		45A		28,000,000
LSLV0300H100-4COFN	30KW	40HP		61A		32,800,000
LSLV0370H100-4COND	37KW	50HP		75A		42,000,000
LSLV0450H100-4COND	45KW	60HP		91A		50,500,000
LSLV0550H100-4COND	55KW	75HP		107A		59,000,000
LSLV0370H100-4COFD	37KW	50HP		75A	3 phase, 380~480VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.1~400Hz, built-in DC Reactor	47,000,000
LSLV0450H100-4COFD	45KW	60HP		91A		56,000,000
LSLV0550H100-4COFD	55KW	75HP		107A		65,000,000
LSLV0750H100-4COFD	75KW	100HP		142A		67,000,000
LSLV0900H100-4COFD	90KW	125HP		169A		80,000,000
LSLV1100H100-4COFD	110KW	150HP		223	3 phase, 380~500VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.1~400Hz, IP20, built-in EMC Filter (C3), DC Reactor	118,000,000
LSLV1320H100-4COFD	132KW	200HP		264		123,000,000
LSLV1600H100-4COFD	160KW	250HP		325		142,000,000
LSLV1850H100-4COFD	185KW	300HP		370		163,000,000
LSLV2200H100-4COFD	220KW	350HP		432		192,000,000
LSLV2500H100-4COFD	250KW	400HP		481		217,000,000
LSLV3150H100-4COFD	315KW	500HP		613		475,000,000
LSLV3550H100-4COFD	355KW	550HP		683		534,000,000
LSLV4000H100-4COFD	400KW	650HP		770		590,000,000
LSLV5000H100-4COFD	500KW	800HP		962		650,000,000

- GHI CHÚ: ** HD (Heavy Duty) Overload 150% 1min.
 ** ND (Normal Duty): Overload 110% or 120% 1min

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Tên hàng	KW	HP	Overload capacity	Output (A)	Mô tả	Giá bán	
Loại 1 pha 200~240VAC - IP20			HD	ND	: V/f, fixed keypad, EMC filter(C2)		
LSLV0001M100-1EOFNS	0.1KW	1/8HP	0.8A	-	BIẾN TẦN MICRO: - Sử dụng cho các máy móc, quạt/ bơm và băng tải nhỏ. - Lắp đặt trên thanh Din Rail.  EOFNS: (Standard I/O: 3 Digital Inputs, 1 Analog Input, 1 Analog Output, 1 Open Collector, 1 Relay) EOFNA: (Advanced I/O: 5 Digital Inputs, 2 Analog Input, 1 Analog Output, 1 Open Collector, 2 Relay, RS485)	2,850,000	
LSLV0002M100-1EOFNS	0.2KW	1/4HP	1.4A	-		2,950,000	
LSLV0004M100-1EOFNS	0.4KW	1/2HP	2.4A	-		3,150,000	
LSLV0008M100-1EOFNS	0.75KW	1HP	4.2A	-		3,300,000	
LSLV0015M100-1EOFNS	1.5KW	2HP	7.5A	-		3,950,000	
LSLV0022M100-1EOFNS	2.2KW	3HP	10A	-		4,350,000	
LSLV0001M100-1EOFNA	0.1 KW	1/8HP	0.8A	-		3,100,000	
LSLV0002M100-1EOFNA	0.2KW	1/4HP	1.4A	-		3,200,000	
LSLV0004M100-1EOFNA	0.4KW	1/2HP	2.4A	-		3,400,000	
LSLV0008M100-1EOFNA	0.75KW	1HP	4.2A	-		3,600,000	
LSLV0015M100-1EOFNA	1.5KW	2HP	7.5A	-		4,300,000	
LSLV0022M100-1EOFNA	2.2KW	3HP	10A	-		4,650,000	
Tên hàng	KW	HP	Overload capacity	Output (A)		Mô tả	Đơn giá
L100 series for Elevator Application:						Biến tần thang máy	
LSLV0055L100-4NNFN	5.5	7.5	150% for 1 min.	12	- Khả dụng cho nhiều loại tải khác nhau (Thang khách, thang hàng, thang máy đồ xe,...)	Call	
LSLV0075L100-4NNFN	7.5	10	150% for 1 min.	16	- Có thể điều khiển động cơ IM hoặc động cơ PM, có hộp số hay không có hộp số	Call	
LSLV0110L100-4NNFN	11	15	150% for 1 min.	24	- Điều khiển vector vòng hở và vector vòng kín cho động cơ IM hoặc PM tiêu chuẩn (với Incremental encoder, SIN/COS encoder, Endat encoder)	Call	
LSLV0150L100-4NNFN	15	20	150% for 1 min.	30	- Kích thước nhỏ gọn cho phép lắp đặt không phòng máy	Call	
LSLV0185L100-4NNFN	18.5	25	150% for 1 min.	39		Call	
LSLV0220L100-4NNFN	22	30	150% for 1 min.	45		Call	
ENCODER(LSLV-L100),XENC-L100						Call	
SIN/COS ENCODER(LSLV-L100),XSIN-L100						Call	
SIN/COS_ENDAT ENCODER(LSLV-L100),XEDT-100						Call	
ELEVATOR I/O(LSLV-L100),XELV-L100						Call	
REMOTE 2M(LSLV-L100),A2MT-L100						Call	
REMOTE 3M(LSLV-L100),A3MT-L100						Call	
REMOTE 5M(LSLV-L100),A5MT-L100						Call	
RS232 CABLE 2M(LSLV-L100),S2MT-L100						Call	
							

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Tên hàng	Mô tả	Giá bán
Dynamic Braking Unit (DBU) Bộ Transistor để gắn Điện trở xả vào.		
Dynamic Braking Unit (DBU) - 200~230V		
LSLV0150DBU-2LN	Brake unit for 15kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	4,200,000
LSLV0220DBU-2LN	Brake unit for 22kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	4,850,000
LSLV0370DBU-2LN	Brake unit for 37kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	5,850,000
LSLV0370DBU-2HN	Brake unit for 37kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	13,392,000
LSLV0750DBU-2LN	Brake unit for 75kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	8,100,000
LSLV0750DBU-2HN	Brake unit for 75kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	20,000,000
LSLV0900DBU-2HN	Brake unit for 90kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	22,150,000
Dynamic Braking Unit (DBU) - 380~400V		
LSLV0150DBU-4LN	Brake unit for 15kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	4,200,000
LSLV0220DBU-4LN	Brake unit for 22kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	4,850,000
LSLV0370DBU-4LN	Brake unit for 37kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	5,850,000
LSLV0370DBU-4HN	Brake unit for 37kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	12,750,000
LSLV0750DBU-4LN	Brake unit for 75kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	7,450,000
LSLV0750DBU-4HN	Brake unit for 75kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	18,150,000
INV,SV750DB-4	Brake unit for 75kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 100%ED (Enable Duty), CE certificated	25,400,000
LSLV0900DBU-4HN	Brake unit for 90kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	22,150,000
LSLV1320DBU-4HN	Brake unit for 132kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	27,000,000
LSLV1600DBU-4HN	Brake unit for 160kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	36,700,000
LSLV2200DBU-4HN	Brake unit for 220kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	40,500,000
INV,SV2200DB-4	Brake unit for 220kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 100%ED (Enable Duty), CE certificated	31,300,000
External brake resistors (Điện trở xả)	Temperature range: -50~200°C, Insulation resistance: over 100MΩ, Dielectric strength: AC 2,500V / 1 Min, Temperature coefficient: ±260 ppm / °C max	
MCRA 50W 1.8K OHM J	50 wat, 1800ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	280,000
MCRA 100W 1.2K OHM J	100 wat, 1200ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	280,000
MCRA 200W 1.2K OHM J	200 wat, 1200ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	430,000
MCRA 100W 900 OHM J	100 wat, 900ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	200,000
MCRA 150W 600 OHM J	150 wat, 600ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	240,000
MCRA 200W 450 OHM J	200 wat, 450ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	330,000
MCRA 50W 400 OHM J	50 wat, 400ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	190,000
MCRA 100W 300 OHM J	100 wat, 300ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	200,000
MCRA 200W 300 OHM J	200 wat, 300ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	330,000
MCRA 100W 200 OHM J	100 wat, 200ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	200,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Tên hàng	Mô tả	Giá bán
MCRA 150W 150 OHM J	150 wat, 150ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	240,000
MCRA 200W 100 OHM J	200 wat, 100ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	330,000
MCRF 300W 600 OHM J	300 wat, 600ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	520,000
MCRF 300W 300 OHM J	300 wat, 300ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	460,000
MCRF 600W 300 OHM J	600 wat, 300ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	680,000
MCRF 400W 200 OHM J	400 wat, 200ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	570,000
MCRF 800W 200 OHM J	800 wat, 200ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	760,000
MCRF 300W 150 OHM J	300 wat, 150ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	470,000
MCRF 600W 130 OHM J	600 wat, 130ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	680,000
MCRF 1.2kW 130 OHM J	1200 wat, 130ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	940,000
MCRF 700W 120 OHM J	700 wat, 120ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	750,000
MCRF 1kW 90 OHM J	1000 wat, 90ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	810,000
MCRF 1kW 85 OHM J	1000 wat, 85ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	810,000
MCRF 2kW 85 OHM J	2000 wat, 85ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1,550,000
MCRF 300W 60 OHM J	300 wat, 60ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	470,000
MCRF 600W 60 OHM J	600 wat, 60ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	680,000
MCRF 1.2kW 60 OHM J	1200 wat, 60ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	940,000
MCRF 400W 50 OHM J	400 wat, 50ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	570,000
MCRF 800W 50 OHM J	800 wat, 50ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	760,000
MCRF 2kW 45 OHM J	2000 wat, 45ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1,550,000
MCRF 500W 40 OHM J	500 wat, 40ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	610,000
MCRF 2kW 40 OHM J	2000 wat, 40ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1,550,000
MCRF 1.6kW 33.9 OHM J	1600 wat, 33.9ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1,190,000
MCRF 600W 33 OHM J	600 wat, 33ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	680,000
MCRF 1.2kW 33 OHM J	1200 wat, 33ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	940,000
MCRF 800W 20 OHM J	800 wat, 20ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	760,000
MCRF 1.6kW 20 OHM J	1600 wat, 20ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1,190,000
MCRF 1.2kW 15 OHM J	1200 wat, 15ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	940,000
MCRF 1.6kW 8.5 OHM J	1600 wat, 8.5ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1,190,000
MCRS 2.4kW 60 OHM J	2400 wat, 60ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	2,380,000
MCRS 2.4kW 35 OHM J	2400 wat, 35ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	2,380,000
MCRS 2.4kW 30 OHM J	2400 wat, 30ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	2,380,000
MCRS 2.4kW 22.8 OHM J	2400 wat, 22.8ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	2,380,000
MCRS 2.4kW 15 OHM J	2400 wat, 15ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	2,380,000
MCRS 2.4kW 10 OHM J	2400 wat, 10ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	2,380,000


Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Tên hàng	Mô tả	Giá bán
MCRS 2.4kW 8 OHM J	2400 wat, 8ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	2,380,000
MCRS 2.4kW 5.7 OHM J	2400 wat, 5.7ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	2,380,000
Brake resistors (Case package type with hermostat sensor)	Temperature range: -50~200°C, Insulation resistance: over 20MΩ, Dielectric strength: AC 2,500 V / 1 Min, Temperature coefficient: ±260 ppm / °C max, Thermostat sensor: B contact	
MCRF-ST 1.2kW 60 OHM J	1200 watt, 60 ohm resistor,	3,100,000
MCRF-ST 2kW 45 OHM J	2000 watt, 45 ohm resistor	3,600,000
MCRF-ST 2kW 40 OHM J	2000 watt, 40 ohm resistor	3,600,000
MCRF-ST 4kW 40 OHM J	4000 watt, 40 ohm resistor	6,100,000
MCRF-ST 2.4kW 35 OHM	2400 watt, 35 ohm resistor	4,300,000
MCRF-ST 1.6kW 33.9 OHM J	1600 watt, 33.9 ohm resistor	3,600,000
MCRF-ST 2.4kW 30 OHM J	2400 watt, 30 ohm resistor	4,300,000
MCRF-ST 4.8kW 30 OHM J	4800 watt, 30 ohm resistor	7,300,000
MCRF-ST 2.4kW 22.8 OHM J	2400 watt, 30 ohm resistor	4,300,000
MCRF-ST 3.6kW 20 OHM J	3600 watt, 20 ohm resistor	5,400,000
MCRF-ST 7.2kW 20 OHM J	7200 watt, 20 ohm resistor	8,900,000
MCRF-ST 3.2kW 16.9 OHM J	3200 watt, 16.9 ohm resistor	5,400,000
MCRF-ST 1.2kW 15 OHM J	1200 watt, 15 ohm resistor	3,100,000
MCRF-ST 5kW 12 OHM J	5000 watt, 12 ohm resistor	7,300,000
MCRF-ST 10kW 12 OHM J	10000 watt, 12 ohm resistor	12,500,000
MCRF-ST 4.8kW 11.4 OHM J	4800 watt, 11.4 ohm resistor	7,300,000
MCRF-ST 2.4kW 10 OHM J	2400 watt, 10 ohm resistor	4,300,000
MCRF-ST 4.8kW 10 OHM J	4800 watt, 10 ohm resistor	7,300,000
MCRF-ST 6.4kW 10 OHM J	6400 watt, 10 ohm resistor	8,800,000
MCRF-ST 12.8kW 10 OHM J	12800 watt, 10 ohm resistor	15,900,000
MCRF-ST 1.6kW 8.5 OHM J	1600 watt, 8.5 ohm resistor	3,600,000
MCRF-ST 6.4kW 8.4 OHM J	6400 watt, 8.4 ohm resistor	8,800,000
MCRF-ST 7.2kW 8.4 OHM J	7200 watt, 8.4 ohm resistor	8,900,000
MCRF-ST 14.4kW 8.4 OHM J	14400 watt, 8.4 ohm resistor	16,500,000
MCRF-ST 2.4kW 8 OHM J	2400 watt, 8 ohm resistor	4,300,000
MCRF-ST 4.8kW 8 OHM J	4800 watt, 8 ohm resistor	7,300,000
MCRF-ST 10kW 6 OHM J	10000 watt, 6 ohm resistor	12,500,000
MCRF-ST 20kW 6 OHM J	20000 watt, 6 ohm resistor	23,200,000
MCRF-ST 2.4kW 5.7 OHM J	2400 watt, 5.7 ohm resistor	4,300,000
MCRF-ST 3.6kW 5 OHM J	3600 watt, 5 ohm resistor	5,400,000
MCRF-ST 7.2kW 5 OHM J	7200 watt, 5 ohm resistor	8,900,000
MCRF-ST 13kW 5 OHM J	13000 watt, 5 ohm resistor	15,900,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Tên hàng	Mô tả	Giá bán
MCRF-ST 26kW 5 OHM J	26000 watt, 5 ohm resistor	32,400,000
MCRF-ST 3.2kW 4.2 OHM J	3200 watt, 4.2 ohm resistor	5,400,000
MCRF-ST 16kW 4 OHM J	16000 watt, 4 ohm resistor	21,400,000
MCRF-ST 32kW 4 OHM J	32000 watt, 4 ohm resistor	38,500,000
MCRF-ST 20kW 3.4 OHM J	20000 watt, 3.4 ohm resistor	23,200,000
MCRF-ST 40kW 3.4 OHM J	40000 watt, 3.4 ohm resistor	45,200,000
MCRF-ST 5kW 3 OHM J	5000 watt, 3 ohm resistor	7,300,000
MCRF-ST 10kW 3 OHM J	10000 watt, 3 ohm resistor	12,500,000
MCRF-ST 4.8kW 2.8 OHM J	4800 watt, 2.8 ohm resistor	7,300,000
MCRF-ST 24kW 2.8 OHM J	24000 watt, 2.8 ohm resistor	30,500,000
MCRF-ST 48kW 2.8 OHM J	48000 watt, 2.8 ohm resistor	58,300,000
MCRF-ST 6kW 2.4 OHM J	6000 watt, 2.4 ohm resistor	8,250,000
MCRF-ST 12kW 2.4 OHM J	12000 watt, 2.4 ohm resistor	15,300,000
MCRF-ST 26kW 2.4 OHM J	26000 watt, 2.4 ohm resistor	32,400,000
MCRF-ST 52kW 2.4 OHM J	52000 watt, 2.4 ohm resistor	75,000,000
MCRF-ST 7.5kW 2 OHM J	7500 watt, 2 ohm resistor	9,800,000
MCRF-ST 15kW 2 OHM J	15000 watt, 2 ohm resistor	16,500,000
MCRF-ST 30kW 2 OHM J	30000 watt, 2 ohm resistor	35,100,000
MCRF-ST 60kW 2 OHM J	60000 watt, 2 ohm resistor	79,400,000
MCRF-ST 10kW 1.5 OHM J	10000 watt, 1.5 ohm resistor	12,500,000
MCRF-ST 20kW 1.5 OHM J	20000 watt, 1.5 ohm resistor	23,200,000
MCRF-ST 13kW 1.2 OHM J	13000 watt, 1.2 ohm resistor	15,900,000
MCRF-ST 26kW 1.2 OHM J	26000 watt, 1.2 ohm resistor	32,400,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Tên hàng	KW	HP	In (A)		Mô tả	Giá bán
Loại 1 pha 200~240VAC (Protection degree IP20)				HD	ND	Semi-Dual rating, V/f, sensorless vector control, RS485 (LS Bus / Modbus RTU), Safety Torque off, Pulse train I/O/ Các ứng dụng cơ bản (bơm, quạt, băng tải, máy nén, máy cán...)
LSLV0004S100-1EONNS	0.4/0.75kw	1/2HP	2.5A	-	1 phase, 200~240VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím, điện trở thắng, control terminal I/O 5mm pitch	Call
LSLV0008S100-1EONNS	0.75/1.5kw	1HP	5A	-		Call
LSLV0015S100-1EONNS	1.5/2.2kw	2HP	8A	-		Call
LSLV0022S100-1EONNS	2.2/3.7kw	3HP	11A	-		Call
Loại 3 Pha 200~240VAC (Protection degree IP20)				HD	ND	Semi-Dual rating, V/f, sensorless vector control, RS485 (LS Bus / Modbus RTU), Safety Torque off, Pulse train I/O/ Các ứng dụng cơ bản (bơm, quạt, băng tải...)
LSLV0004S100-2EONNS	0.4/0.75kw	1/2HP	2.5A	-	 <p>3 phase, 200~240VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím, điện trở thắng, control terminal I/O 5mm pitch</p>	Call
LSLV0008S100-2EONNS	0.75/1.5kw	1HP	5A	-		Call
LSLV0015S100-2EONNS	1.5/2.2kw	2HP	8A	-		Call
LSLV0022S100-2EONNS	2.2/3.7kw	3HP	11A	-		Call
LSLV0037S100-2EONNS	3.7/4kw	5HP	16A	-		Call
LSLV0040S100-2EONNS	4/5.5kw	5.4HP	17A	-		Call
LSLV0055S100-2EONNS	5.5/7.5kw	7.5HP	24A	-		Call
LSLV0075S100-2EONNS	7.5/11kw	10HP	32A	-		Call
LSLV0110S100-2EONNS	11/15kw	15HP	46A	-		Call
LSLV0150S100-2EONNS	15/18.5kw	20HP	60A	-		Call
Loại 3 Pha 380~480VAC (Protection degree IP20)				HD	ND	Semi-Dual rating, V/f, sensorless vector control, RS485 (LS Bus / Modbus RTU), Safety Torque off, Pulse train I/O/ Các ứng dụng cơ bản (bơm, quạt, băng tải...)
LSLV0004S100-4EONNS	0.4/0.75kw	1/2HP	1.25A	-	3 phase, 380~480VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím, điện trở thắng, control terminal I/O 5mm pitch	Call
LSLV0008S100-4EONNS	0.75/1.5kw	1HP	2.5A	-		Call
LSLV0015S100-4EONNS	1.5/2.2kw	2HP	4A	-		Call
LSLV0022S100-4EONNS	2.2/3.7kw	3HP	5.5A	-		Call
LSLV0037S100-4EONNS	3.7/4kw	5HP	8A	-		Call
LSLV0040S100-4EONNS	4/5.5kw	5.4HP	9A	-		Call
LSLV0055S100-4EOFNS	5.5/7.5kw	7.5HP	12A	-	3 phase, 380~480VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím, điện trở thắng, EMC filter (C3), control terminal I/O 5mm pitch	Call
LSLV0075S100-4EOFNS	7.5/11kw	10HP	16A	-		Call
LSLV0110S100-4EOFNS	11/15kw	15HP	24A	-		Call
LSLV0150S100-4EOFNS	15/18.5kw	20HP	30A	-		Call
LSLV0185S100-4EOFNS	18.5/22kw	25HP	39A	-		Call
LSLV0220S100-4EOFNS	22/30kw	30HP	45A	-		Call
LSLV0300S100-4CONDS	30/37kw	40HP	61A	-	3 phase, 380~480VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.1~400Hz, detachable LCD keypad, built-in DC reactor, control terminal I/O 5mm pitch	Call
LSLV0370S100-4CONDS	37/45kw	50HP	75A	-		Call

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Tên hàng	KW	HP	In (A)		Mô tả	Giá bán
LSLV0450S100-4CONDS	45/55kw	60HP	91A	-	reactor, control terminal I/O 5mm pitch	Call
LSLV0550S100-4CONDS	55/75kw	75HP	110A	-		Call
LSLV0750S100-4CONDS	75/90kw	100HP	152A	-		Call
Loại 3 Pha 200~230VAC (Protection degree IP66 (NEMA4X))			HD	ND	Semi-Dual rating, V/f, sensorless vector control, RS485 (LS Bus / Modbus RTU), Safety. Torque off, Pulse train I/O/ Các ứng dụng cơ bản (bơm, quạt, băng tải...)	
LSLV0004S100-2EXNNS	0.4/0.75kw	1/2HP	2.5A	-	3 phase, 200~240VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím, điện trở thắng, control terminal I/O 5mm pitch	Call
LSLV0008S100-2EXNNS	0.75/1.5kw	1HP	5A	-		Call
LSLV0015S100-2EXNNS	1.5/2.2kw	2HP	8A	-		Call
LSLV0022S100-2EXNNS	2.2/3.7kw	3HP	11A	-		Call
LSLV0037S100-2EXNNS	3.7/4kw	5HP	16A	-		Call
LSLV0040S100-2EXNNS	4/5.5kw	5.4HP	17A	-		Call
LSLV0055S100-2EXNNS	5.5/7.5kw	7.5HP	24A	-		Call
LSLV0075S100-2EXNNS	7.5/11kw	10HP	32A	-		Call
LSLV0110S100-2EXNNS	11/15kw	15HP	46A	-		Call
LSLV0150S100-2EXNNS	15/18.5kw	20HP	60A	-		Call
Loại 3 Phase 380~480VAC (Protection degree IP66)			HD	ND	Semi-Dual rating, V/f, sensorless vector control, RS485 (LS Bus / Modbus RTU), Safety. Torque off, Pulse train I/O/ Các ứng dụng cơ bản (bơm, quạt, băng tải...)	
LSLV0004S100-4EXNNS	0.4/0.75kw	1/2HP	1.25A	-	3 phase, 380~480VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím, điện trở thắng, control terminal I/O 5mm pitch	Call
LSLV0008S100-4EXNNS	0.75/1.5kw	1HP	2.5A	-		Call
LSLV0015S100-4EXNNS	1.5/2.2kw	2HP	4A	-		Call
LSLV0022S100-4EXNNS	2.2/3.7kw	3HP	5.5A	-		Call
LSLV0037S100-4EXNNS	3.7/4kw	5HP	8A	-		Call
LSLV0040S100-4EXNNS	4/5.5kw	5.4HP	9A	-		Call
LSLV0055S100-4EXNNS	5.5/7.5kw	7.5HP	12A	-		Call
LSLV0075S100-4EXNNS	7.5/11kw	10HP	16A	-		Call
LSLV0110S100-4EXNNS	11/15kw	15HP	24A	-		Call
LSLV0150S100-4EXNNS	15/18.5kw	20HP	30A	-		Call
LSLV0185S100-4EXNNS	18.5/22kw	25HP	39A	-		Call
LSLV0220S100-4EXNNS	22/30kw	30HP	45A	-		Call
Phụ kiện dùng cho LSLV S100:						
CANOpen (LSLV-S100), CCAN-S100						Call
Profibus-DP (LSLV-S100), CPDP-S100						Call
Ethernet (LSLV-S100), CENT-S100						Call

- **GHI CHÚ:** **HD (Heavy Duty) Overload 150% 1min.

**ND (Normal Duty): Overload 110% or 120% 1min

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Mã hàng	Số cực	Dòng định mức In (A)	Icu (kA)	Giá bán
MCCB 2P				
Chỉnh dòng nhiệt (Adj. thermal) 30 ~ 250AF (0.8~1*In), 400 ~ 800AF (0.63~1*In)				
HGM100E- F	2P	16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50/ 63/ 75/ 100A	35kA	825,000
HGM100S- F		16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50/ 63/ 75/ 100A	50kA	850,000
HGM125S- F		40/ 50/ 63/ 75/ 80/ 100/ 125A	65kA	1,050,000
HGM125H- F		40/ 50/ 63/ 75/ 80/ 100/ 125A	85kA	1,050,000
HGM250S- F		150/ 160/ 175/ 200/ 225/ 250A	65kA	1,750,000
HGM250H- F		150/ 160/ 175/ 200/ 225/ 250A	85kA	1,815,000
HGM400S- F		300/ 350/ 400A	75kA	4,300,000
MCCB 3P				
Chỉnh dòng nhiệt (Adj. thermal) 30 ~ 250AF (0.8~1*In), 400 ~ 800AF (0.63~1*In)				
HGM50H- F	3P	16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50A	38kA	1,350,000
HGM50L- F		16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50A	55kA	1,650,000
HGM100E- F		16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50A	16kA	950,000
		63/ 75/ 100A		1,050,000
HGM100S- F		16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50A	20kA	1,000,000
		63/ 75/ 100A		1,100,000
HGM100H- F		16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50/ 63/ 75/ 100A	26kA	1,150,000
HGM125S- F		16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50/ 63/ 75/ 80/ 100/ 125A	26kA	1,265,000
HGM125H- F			38kA	1,510,000
HGM125L- F			55kA	1,750,000
HGM250H- F			38kA	2,300,000
HGM250L- F		150/ 160/ 175/ 200/ 225/ 250A	55kA	2,780,000
HGM400E- F		250*/ 300/ 350/ 400A	45kA	5,350,000
HGM400S- F			65kA	5,700,000
HGM400H- F			85kA	5,940,000
HGM630E- F		500/ 630A	45kA	10,010,000
HGM630S- F			65kA	10,480,000
HGM630H- F			85kA	11,340,000
HGM800S- F		700/ 800A	65kA	10,590,000
HGM800H- F	85kA		11,670,000	
MCCB 3P				
Chỉnh dòng nhiệt (Adj. thermal) 0.7~1*In				
HGM125H- FVP	3P	40/ 50/ 63/ 80/ 100/ 125A	38kA	1,790,000
HGM250H- FVP		100/ 125/ 160/ 200/ 250A	38kA	2,650,000
MCCB 3P				
Chỉnh dòng nhiệt (Adj. thermal) 0.8~1*In và INST (Adj. magnetic) 5~10*In				
HGP400S- H	3P	300/ 350/ 400A	85kA	7,875,000
HGP630S- H		500/ 630A	85kA	12,075,000
HGP800S- H		700/ 800A	85kA	16,780,000

(*): MCCB không chỉnh dòng

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Mã hàng	Số cực	Dòng định mức In (A)	Icu (kA)	Giá bán
MCCB 3P				
Chỉnh dòng điện tử (Electronic) 0.4~1*In				
HGP100S-G3PENS	3P	40 / 100A	85kA	7,280,000
HGP160S-G3PENS		100 / 160A	85kA	7,280,000
HGP250S-G3PENS		160 / 250A	85kA	7,280,000
HGP400S 3PENS		250 / 400A	85kA	12,100,000
HGP630S 3PENS		630A	85kA	14,300,000
HGP800S 3PENS		800A	85kA	19,600,000
HGM1000S 3P		1000A	70kA	30,000,000
HGM1250S 3P		1250A	70kA	32,000,000
HGM1600S 3P		1600A	70kA	57,000,000
MCCB 4P				
Chỉnh dòng nhiệt (Adj. thermal) 30 ~ 250AF (0.8~1*In), 400 ~ 800AF (0.63~1*In)				
HGM100S- F	4P	16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50/ 63/ 75/ 100A	20kA	1,450,000
HGM125S- F		16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50/ 63/ 75/ 100/ 125A	26kA	2,100,000
HGM125H- F			38kA	2,165,000
HGM250S- F		125/ 150/ 175/ 200/ 225/ 250A	26kA	3,170,000
HGM250H- F			38kA	3,370,000
HGM400E- F		300/ 350/ 400A	45kA	7,170,000
HGM400S- F			65kA	7,610,000
HGM630E- F		500/ 630A	45kA	12,300,000
HGM630S- F			65kA	13,500,000
HGM800S- F		700/ 800A	65kA	14,040,000
HGM800H- F			85kA	14,730,000
MCCB 4P				
Chỉnh dòng điện tử (Electronic) 0.4~1*In				
HGM1000S 4P	4P	1000A	70kA	48,710,000
HGM1250S 4P		1250A	70kA	49,900,000
ELCB				
Aptomat chống dò điện (chỉnh định dòng dò 100-300-500-1000mA)				
HGE100S	2P	16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50/ 63/ 75/ 100A	50kA	2,240,000
HGE125S		16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50/ 63/ 75/ 100/ 125A	65kA	2,590,000
HGE250S			65kA	3,780,000
HGE100S	3P	16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50/ 63/ 75/ 100A	20kA	3,040,000
HGE125S		16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50/ 63/ 75/ 100/ 125A	26kA	3,220,000
HGE250S			26kA	4,290,000
HGE400E		250/ 300/ 350/ 400A	45kA	10,690,000
HGE400S			65kA	11,340,000
HGE100S		4P	16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50/ 63/ 75/ 100A	20kA
HGE125S	16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50/ 63/ 75/ 100/ 125A		26kA	4,300,000
HGE250S			26kA	7,700,000
HGE400E	250/ 300/ 350/ 400A		45kA	15,950,000
HGE400S			65kA	16,500,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

PHỤ KIỆN MCCB _ HGM/ HGE 100~800AF		Mã hàng	Giá bán
Aux. Switch	HGM100/ 125/ 250	AUX 10GMC1	285,000
	HGM400/ 630/ 800	AUX 40GMC1	430,000
Alarm Switch	HGM100/ 125/ 250	ALT 10GML1/R1	285,000
	HGM400/ 630/ 800	ALT 40GML1	430,000
Shunt Trip AC200~230V/ 380~415V	HGM100/ 125/ 250	SHT 10GM	495,000
	HGM400/ 630/ 800	SHT 40GM	760,000
Under Voltage Trip AC200~230V/ 380~415V	HGM100/ 125/ 250	UVT 10GM	1,125,000
	HGM400/ 630/ 800	UVT 40GM	1,160,000
Tay xoay (gắn trực tiếp)	HGM100	TFG10GMU	560,000
	HGM125	TFG12GMU	580,000
	HGM250	TFG25GMU	600,000
	HGM400	TFG40GMU	1,350,000
	HGM630/ 800	TFG80GMU	1,350,000
Tay xoay (nổi dài)	HGM100	TFH10GM	780,000
	HGM125	TFH12GM	780,000
	HGM250	TFH25GM	780,000
	HGM400	TFH40GM	1,550,000
	HGM630/ 800	TFH80GM	1,550,000
Motor (MOT)	HGM100 (AC/ DC 110V hoặc 240V)	MOT10GM	5,890,000
	HGM125 (AC/ DC 110V hoặc 240V)	MOT12GM	6,420,000
	HGM250 (AC/ DC 110V hoặc 240V)	MOT25GM	6,420,000
	HGM400 (AC/ DC 110V hoặc 240V)	MOT40GM	9,100,000
	HGM630/ 800 (AC/ DC 110V hoặc 240V)	MOT80GM	10,170,000
Tám chắn pha/ INTERPOLE BARRIER	HGM100/ 125 3P	TQQ10GM3	42,000
	HGM250 3P	TQQ25GM3	52,000
	HGM400/ 630/ 800 3P	TQQ40GM3/63GP3	185,000
Thanh cái/ BUS BAR	HGM250 3P (Straight type)	TBB25GP 3S	350,000
	HGM250 3P (Spreader type)	TBB25GP 3E45	400,000
	HGM400 3P (Straight type)	TBB40GM 3S	900,000
	HGM400 3P (Spreader type)	TBB40GM 3E59	1,150,000
	HGM630/ 800 3P (Straight type)	TBB80GM 3S	2,100,000
Nắp đầu cực (loại dài)	HGM100 3P	TCF10GM L3	130,000
	HGM125 3P	TCF12GM L3	150,000
	HGM250 3P	TCF25GM L3	170,000
	HGM400 3P	TCF40GM L3	485,000
	HGM630/ 800 3P	TCF80GM L3	600,000
Khóa liên động (MI)	HGM100 2/3/4P	MIF10GM	910,000
	HGM125 2/3/4P	MIF12GM	910,000
	HGM250 2/3/4P	MIF25GM	910,000
	HGM400 2/3/4P	MIF40GM	1,100,000
	HGM630/ 800 2/3/4P	MIF80GM	1,350,000
Khóa MCCB	HGM100/ 125/ 250	PLD10GM	475,000
	HGM400/ 630/ 800	PLD40GM	495,000


Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

PHỤ KIỆN MCCB_HGM1250/ 1000S		Mã hàng	Giá bán
Aux. Switch	HGM1250/ 1000	AUX120GMSC1	420,000
	HGM1250/ 1000	AUX120GMSC2	650,000
Alarm Switch	HGM1250/ 1000	ALT120GMSR1	460,000
Shunt Trip	HGM1250/ 1000 (AC200~230V/ 380~415V)	SHT120GMS	1,050,000
Under VoltageTrip	HGM1250/ 1000 (AC200~230V/ 380~415V)	UVT120GMS	1,380,000
Motor	HGM1250/ 1000 3P	MOT120GMS3	14,170,000
	HGM1250/ 1000 4P	MOT120GMS4	14,170,000
Mechanical Interlock	HGM1250/ 1000 3P	MIF120GMS3	7,480,000
	HGM1250/ 1000 4P	MIF120GMS4	7,480,000
Phase Barrier	HGM1250/ 1000 3P	TQQ120GMS3	230,000
	HGM1250/ 1000 4P	TQQ120GMS4	310,000
Rotary Handle	HGM1250/ 1000 3/4P	TFH120GMS3/4	3,100,000
Operation Handle Extension	HGM1250/ 1000 (3P/ 4P)	THA120GMS	460,000
Key lock	HGM1250/ 1000 (3P/ 4P)	KEY120GMS	570,000
PHỤ KIỆN MCCB_HGP100~800AF			
Aux. Switch	HGP100/ 160/ 250	AUX25GP L1	280,000
	HGP400/ 630/ 800	AUX63GP L1	370,000
Alarm Switch	HGP100/ 160/ 250	ALT25GP L1	280,000
	HGP400/ 630/ 800	ALT63GP R1	370,000
Shunt Trip AC200~230V/ 380~415V	HGP100/ 160/ 250	SHT25GP-G	770,000
	HGP400/ 630/ 800	SHT63GP	770,000
Under VoltageTrip AC200~230V/ 380~415V	HGP100/ 160/ 250	UVT25GP-G	1,155,000
	HGP400/ 630/ 800	UVT63GP	1,155,000
Motor operator (AC/DC240V)	HGP250	MOT25GP	6,420,000
	HGP400/ 630	MOT63GP	10,260,000
	HGP800	MOT 80GP	10,260,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Mã hàng	Số cực	Dòng định mức In (A)	Icu (kA)	Giá bán
APTOMAT - MCB loại thanh cài ** DELUXE TYPE				
HGD63N	1P	6/ 10/ 16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50/ 63A	6kA	80,000
	2P			160,000
	3P			250,000
	4P			330,000
HGD63H	1P	6/ 10/ 16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50/ 63A	10kA	127,000
	2P			253,000
	3P			400,000
	4P			523,000
HGD125	1P	80/ 100/ 125A	10kA	341,000
	2P			682,000
	3P			1,023,000
	4P			1,375,000
APTOMAT - MCB loại thanh cài **STANDARD TYPE				
HGD63M	1P	6/ 10/ 16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50/ 63A	6kA	80,000
	2P			160,000
	3P			250,000
	4P			330,000
HGD63P	1P	6/ 10/ 16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50/ 63A	10kA	127,000
	2P			253,000
	3P			400,000
	4P			523,000
HGD100S	1P	80/ 100A	10kA	242,000
	2P			523,000
	3P			831,000
	4P			990,000
APTOMAT chống rò - RCCB **STANDARD TYPE / Dòng dò (-) G4: 30mA; G5: 100mA; G7: 300mA; G8: 500mA				
HRC63S 2PG-	2P	16 / 25 / 32 / 40 / 50 / 63A	AC Type 6kA	627,000
HRC100S 2PG-		80 / 100A		952,000
HRC63S 4PG-	4P	16 / 25 / 32 / 40 / 50 / 63A		869,000
HRC100S 4PG-		80 / 100A		1,333,000
APTOMAT bảo vệ quá tải và chống rò - RCBO **STANDARD TYPE / Dòng dò (-) G4: 30mA , G5: 100mA				
HRO63M 1NG-	1P+N	6/ 10/ 16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50/ 63A	6kA	450,000
HRO63M 3NG-	3P+N			715,000
HRO63P 1NG-	1P+N	6/ 10/ 16/ 20/ 25/ 32/ 40/ 50/ 63A	10kA	473,000
HRO63P 3NG-	3P+N			825,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

CONTACTOR DẠNG MODULE (INSTALLATION CONTACTOR)			Giá bán
HIC25 --NSX230	25A - AC230V (2NO.0NC / 1NO.1NC/ 0NO.2NC)	2P	472,000
HIC40 --NSX230	40A - AC230V (2NO.0NC / 1NO.1NC/ 0NO.2NC)		888,000
HIC63 --NSX230	63A - AC230V (2NO.0NC / 1NO.1NC/ 0NO.2NC)		888,000
HIC25 --NSX230	25A - AC230V (4NO.0NC/ 3NO.1NC/ 2NO.2NC/ 0NO.4NC)	4P	753,000
HIC40 --NSX230	40A - AC230V (4NO.0NC/ 3NO.1NC/ 2NO.2NC/ 0NO.4NC)		1,109,000
HIC63 --NSX230	63A - AC230V (4NO.0NC/ 3NO.1NC/ 2NO.2NC/ 0NO.4NC)		1,109,000
DISTRIBUTION BOX (VỎ TỦ MODULE - Flush Mounted)			
HRDB-EFT12W		12 ways	350,000
HRDB-EFT18W		18 ways	580,000
HRDB-EFT24W		24 ways	850,000
MANUAL MOTOR STARTER (MMS) - 3P			
MMS32K----	0.10_0.16A/ 0.16_0.25A / 0.25_0.40A/ 0.40_0.63A/ 0.63_1.00A/ 1.00_1.60A/ 1.60_2.50A/ 2.50_4.00A/ 4.00_6.30A/6.00_10.0A		625,000
MMS32K----	9.00_14.0A/ 13.0_18.0A/ 17.0_23.0A/ 20.0_25.0A/ 24.0_32.0A		637,000
MMS80K----	25.0_40.0A/ 40.0_63.0A		1,650,000
MMS80K----	56.0_80.0A		1,793,000



HIC TYPE




HMMS

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Mã hàng	In (A)	Công suất	Điện áp (V)	Giá bán	
CONTACTOR (AC Magnetic Contactor 50Hz)					
HGC9 11NS X ---	9A (1a1b)	4KW	AC024/ AC048/ AC110/ AC120/ AC220/ AC240/ AC380/ AC440V	380,000	
HGC12 11NS X ---	12A (1a1b)	5.5KW		430,000	
HGC18 11NS X ---	18A (1a1b)	7.5KW		520,000	
HGC25 11NS X ---	25A (1a1b)	11KW		590,000	
HGC32 22NS X ---	32A (2a2b)	15KW		855,000	
HGC40 22NS X ---	40A (2a2b)	18.5KW		950,000	
HGC50 22NS X ---	50A (2a2b)	22KW		1,190,000	
HGC65 22NS X ---	65A (2a2b)	30KW		1,550,000	
HGC75 22NS X ---	75A (2a2b)	37KW		1,800,000	
HGC85 22NS X ---	85A (2a2b)	45KW		2,210,000	
HGC100 22NS X ---	100A (2a2b)	55KW		2,530,000	
HGC130 22NS Y220	130A (2a2b)	65KW		AC220V	3,190,000
HGC150 22NS Y220	150A (2a2b)	75KW			3,190,000
CONTACTOR (AC/DC Magnetic Contactor)					
HGC115 22NS F ---	115A (2a2b)	60KW	F220: AC100~240 DC110~220 F440: AC380~450	3,380,000	
HGC130 22NS F ---	130A (2a2b)	65KW		3,680,000	
HGC150 22NS F ---	150A (2a2b)	75KW		4,500,000	
HGC185 22NS F ---	185A (2a2b)	90KW		6,200,000	
HGC225 22NS F ---	225A (2a2b)	132KW		6,710,000	
HGC265 22NS F ---	265A (2a2b)	147KW		9,080,000	
HGC300 22NS F ---	300A (2a2b)	160KW		9,850,000	
HGC400 22NS F ---	400A (2a2b)	220KW		11,330,000	
HGC500 22NS F ---	500A (2a2b)	250KW		18,150,000	
HGC630 22NS F ---	630A (2a2b)	330KW		F220: AC200~240 DC200~220 F440: AC380~450	24,750,000
HGC800 22NS F ---	800A (2a2b)	440KW	31,350,000		
RƠ LE NHIỆT					
RẢI DÒNG (A)					
HGT18K (cho HGC9 ~ 18)	0.12 - 0.18A, 0.18 - 0.26A, 0.25 - 0.35A, 0.34 - 0.5A, 0.5 - 0.7A, 0.6 - 0.9A, 0.8 - 1.2A, 1.1 - 1.6A, 1.5 - 2.1A, 2 - 3A, 2.8 - 4.2A, 3 - 5A, 4 - 6A, 5.6 - 8A, 6 - 9A, 8 - 12A, 12 - 18A			310,000	
HGT40K (cho HGC25 ~ 40)	7-10A, 8-12A, 12-18A, 15-22A, 17 - 25A, 22-32A, 28 - 40A			395,000	
HGT65K (cho HGC50~65)	17 - 25A, 22-32A, 28 - 40A, 34 - 50A, 45 - 65A			750,000	
HGT100K (cho HGC75~100)	28 - 40A, 34 - 50A, 45 - 65A, 52 - 75A, 59 - 85A, 70-100A			1,135,000	
HGT150K (cho HGC115~150)	48 - 80A, 69 - 115A, 78 - 130A, 90 - 150A			2,200,000	
HGT265K (cho HGC185~265)	90 - 150A, 111 - 185A, 135 - 225A, 159 - 265A			2,970,000	
HGT500K (cho HGC300~500)	159 - 265A, 180 - 300A, 240 - 400A, 300-500A			4,100,000	
HGT800K (cho HGC630, 800)	378 - 630A, 480 - 800A			7,780,000	

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Mã hàng	In (A)	Điện áp (V)	Giá bán
CONTACTOR (DC Magnetic Contactor)			
HGC9 11NSD---	9A (1a1b)	DC 024/ 048/ 110/ 125/ 220V	545,000
HGC12 11NSD---	12A (1a1b)		590,000
HGC18 11NSD---	18A (1a1b)		690,000
HGC25 11NSD---	25A (1a1b)		715,000
HGC32 11NSD---	32A (1a1b)		935,000
HGC40 11NSD---	40A (1a1b)		1,155,000
HGC50 21NSD---	50A (2a1b)		1,265,000
HGC65 21NSD---	65A (2a1b)		1,650,000
HGC75 21NSD---	75A (2a1b)		2,420,000
HGC85 21NSD---	85A (2a1b)		2,970,000
HGC100 21NSD---	100A (2a1b)		3,190,000
CONTACTOR (chuyên dùng cho t			
HGC9C 22NSX---	9A (2a2b)		910,000
HGC12C 22NSX---	12A (2a2b)		910,000
HGC18C 22NSX---	18A (2a2b)		975,000
HGC25C 22NSX---	25A (2a2b)		1,070,000
HGC32C 22NSX---	32A (2a2b)		1,190,000
HGC40C 22NSX---	40A (2a2b)		1,300,000
HGC50C 22NSX---	50A (2a2b)		1,630,000
HGC65C 22NSX---	65A (2a2b)		1,945,000
HGC75C 22NSX---	75A (2a2b)		2,230,000
HGC85C 22NSX---	85A (2a2b)		2,590,000
HGC100C 22NSX---	100A (2a2b)		2,920,000
CAPACITOR SWITCHING UNIT (Cuộn xả dòng đóng/ngắt cho Contactor chuyên dùng cho tụ bù)			
HGCCU40 00NS	dùng cho HGC9 ~ 40	0NO.0NC	486,000
HGCCU65 00NS	dùng cho HGC50 ~ 65		486,000
HGCCU100 00NS	dùng cho HGC75 ~ 100		486,000
CONTROL RELAY			
HGR 04NS X---	4NC	AC 024/ 048/ 110/ 120/ 220/ 240/ 380/ 400 440V	495,000
HGR 13NS X---	1NO.3NC		
HGR 22NS X---	2NO.2NC		
HGR 31NS X---	3NO.1NC		
HGR 40NS X---	4NO	DC 024/ 048/ 110/ 125/ 220V	567,000
HGR 04PS D---	4NC		
HGR 13PS D---	1NO.3NC		
HGR 22PS D---	2NO.2NC		
HGR 31PS D---	3NO.1NC		
HGR 40PS D---	4NO		

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Phụ kiện Contactor			Giá bán
TIẾP ĐIỂM PHỤ			
HGCTB--NS	2NO/ 1NO+1NC/ 2NC	Cài trên (HGC9~100)	110,000
	4NO/ 3NO+1NC/ 2NO+2NC/ 1NO+3NC/ 4NC		170,000
HGCSB40 11NS	1NO+1NC, dùng cho HGC9 ~ 40	Cài cạnh	110,000
HGCSB100 11NS	1NO+1NC, dùng cho HGC50 ~ 100		165,000
HGCSB800 11NS	1NO+1NC, dùng cho HGC115 ~ 800		220,000
KHÓA LIÊN ĐỘNG (không áp dụng cho HGC40~100 DC)			
HGCIU40	HGC9 ~ 40		205,000
HGCIU100	HGC50 ~ 100		205,000
HGCIU265	HGC115 ~ 265		290,000
HGCIU800	HGC300 ~ 800		1,240,000
CUỘN HÚT CONTACTOR (AC Magnetic Contactor)			
HGCOL18 X	HGC9 ~ 18	AC	115,000
HGCOL40 X	HGC25 ~ 40		125,000
HGCOL65 X	HGC50 ~ 65		140,000
HGCOL100 X	HGC75 ~ 100		198,000
HGCOL150 Y	HGC130 ~150		990,000
HGCOL150 F	HGC115 ~ 150	AC/ DC	1,035,000
HGCOL265 F	HGC185 ~ 265		1,650,000
HGCOL500 F	HGC300 ~ 500		2,620,000
HGCOL800 F	HGC630 ~ 800		3,520,000
ĐỂ LẮP ĐẶT RELAY (DIN Rail Adapter for HGT)			
HGTMB18S	HGT18		165,000
HGTMB40S	HGT40		198,000
HGTMB65S	HGT65		220,000
HGTMB100S	HGT100		350,000
RƠ LE THỜI GIAN (Electronic Timer Block)			
HGCET1	HGC9~100, HGR	AC/DC90~240V	1,350,000
HGCET2		AC/DC24~60V	1,350,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Mã hàng	Đơn giá	Icu (kA)	Mã hàng	Giá bán
ACB_HGS Type (Standard) 3P - Fixed Type			HGS Type (Standard) 4P - Fixed Type	
HGS06A3HM0C0S051T	35,200,000	65kA	HGS06A4HM0C0S051T	38,000,000
HGS08A3HM0C0S051H	37,400,000		HGS08A4HM0C0S051H	41,300,000
HGS10A3HM0C0S051J	38,500,000		HGS10A4HM0C0S051J	42,400,000
HGS12A3HM0C0S051K	39,600,000		HGS12A4HM0C0S051K	48,400,000
HGS16A3HM0C0S051L	41,300,000		HGS16A4HM0C0S051L	52,000,000
HGS20B3HM0C0S051M	56,100,000	85kA	HGS20B4HM0C0S051M	64,000,000
HGS25B3HM0C0S051N	73,000,000		HGS25B4HM0C0S051N	91,000,000
ACB_HGN Type (Premium) 3P - Fixed Type			HGN Type (Premium) 4P - Fixed Type	
HGN06A3HM0C0S051T	44,000,000	85kA	HGN06A4HM0C0S051T	45,700,000
HGN08A3HM0C0S051H	47,000,000		HGN08A4HM0C0S051H	49,000,000
HGN10A3HM0C0S051J	48,000,000		HGN10A4HM0C0S051J	49,500,000
HGN12A3HM0C0S051K	51,500,000		HGN12A4HM0C0S051K	58,500,000
HGN16A3HM0C0S051L	52,000,000		HGN16A4HM0C0S051L	62,500,000
HGN20A 3V M0C0S051M	56,100,000		HGN20A 4V M0C0S051M	72,000,000
HGN25B3HM0C0S051N	74,000,000	100kA	HGN25B4HM0C0S051N	97,000,000
HGN32B3HM0C0S051P	85,000,000		HGN32B4HM0C0S051P	105,400,000
HGN40B3HM0C0S051Q	118,000,000		HGN40B4HM0C0S051Q	140,800,000
HGN50C3HM0C0S051S	165,000,000		HGN50C4HM0C0S051S	210,000,000
HGN63D3HM0C0S051X	244,200,000	150kA	HGN63D4HM0C0S051X	311,300,000
ACB_HGS Type (Standard) 3P - Draw in/out Type			HGS Type (Standard) 4P - Draw in/out Type	
HGS06A3BM0C0S051T	51,200,000	65kA	HGS06A4BM0C0S051T	58,300,000
HGS08A3BM0C0S051H	54,500,000		HGS08A4BM0C0S051H	62,200,000
HGS10A3BM0C0S051J	55,600,000		HGS10A4BM0C0S051J	63,300,000
HGS12A3BM0C0S051K	58,300,000		HGS12A4BM0C0S051K	68,200,000
HGS16A3BM0C0S051L	61,600,000		HGS16A4BM0C0S051L	72,600,000
HGS20B3BM0C0S051M	79,200,000	85kA	HGS20B4BM0C0S051M	99,000,000
HGS25B3BM0C0S051N	100,100,000		HGS25B4BM0C0S051N	118,800,000
ACB_HGN Type (Premium) 3P - Draw in/out Type			HGN Type (Premium) 4P - Draw in/out Type	
HGN06A3BM0C0S051T	63,300,000	85kA	HGN06A4BM0C0S051T	69,900,000
HGN08A3BM0C0S051H	64,400,000		HGN08A4BM0C0S051H	74,800,000
HGN10A3BM0C0S051J	65,500,000		HGN10A4BM0C0S051J	75,900,000
HGN12A3BM0C0S051K	67,100,000		HGN12A4BM0C0S051K	81,400,000
HGN16A3BM0C0S051L	68,200,000		HGN16A4BM0C0S051L	86,900,000
HGN20A 3CM0C0S051M	76,500,000		HGN20A 4CM0C0S051M	89,100,000
HGN25B3BM0C0S051N	88,000,000	100kA	HGN25B4BM0C0S051N	132,000,000
HGN32B3BM0C0S051P	118,800,000		HGN32B4BM0C0S051P	148,500,000
HGN40B3BM0C0S051Q	165,000,000		HGN40B4BM0C0S051Q	203,500,000
HGN50C3BM0C0S051S	217,800,000		HGN50C4BM0C0S051S	231,000,000
HGN63D3BM0C0S051X	316,800,000		150kA	HGN63D4BM0C0S051X

Máy cắt không khí (ACB) Model HGS/ HGN đã có Rơ le GPR-LA (bảo vệ LSIG) tích hợp màn hình LCD và truyền thông MODBUS, (chưa bao gồm Motor, SHT, CC, UVT)

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Phụ kiện ACB	Mã hàng	Thông số	Giá bán
Protection Trip Relay (OCR)	HGNSOCR-LA (51/61)	50/60Hz, GPR-LA	7,900,000
	HGNSOCR-LA (54/64)	50/60Hz, GPR-LP	
	HGNSOCR-LA (55/65)	50/60Hz, GPR-LH	
Motor	HGNS M (-) U	(-) 1 - AC/ DC110V	5,190,000
Closing coil	HGNS C (-)	2 - AC/ DC220V	1,190,000
Trip coil	HGNS S (-)	3 - AC380V	1,190,000
UVT Coil (Instantaneous type)	HGNS U (-)	4 - AC400V	
UVT Time Delay Controller	HGNS UT (-)	7 - DC24V	1,520,000
UVT Time Delay Controller & UVT Coil	HGNS V (-)	8 - DC48V	2,600,000
		9 - DC125V	4,120,000
Khóa liên động (*) (Mechanical interlock)	HGNS FWB1A	for A frame, Fixed type, 2 ACB (3P, 4P)	8,560,000
	HGNS FWB2A	for A frame, Fixed type, 3 ACB (3P, 4P)	16,050,000
	HGNS FWB1B	for B frame, Fixed type, 2 ACB (3P, 4P)	8,560,000
	HGNS FWB2B	for B frame, Fixed type, 3 ACB (3P, 4P)	16,050,000
	HGNS FWB1C3	for C frame, Fixed type, 2 ACB (3P)	9,630,000
	HGNS FWB1C4	for C frame, Fixed type, 2 ACB (4P)	9,630,000
	HGNS FWB2C3	for C frame, Fixed type, 3 ACB (3P)	17,120,000
	HGNS FWB2C4	for C frame, Fixed type, 3 ACB (4P)	17,120,000
	HGNS FWB1D3	for D frame, Fixed type, 2 ACB (3P)	9,630,000
	HGNS FWB1D4	for D frame, Fixed type, 2 ACB (4P)	9,630,000
	HGNS FWB2D3	for D frame, Fixed type, 3 ACB (3P)	17,120,000
	HGNS FWB2D4	for D frame, Fixed type, 3 ACB (4P)	17,120,000
Tấm chắn pha (Phase insulation barrier)	HGNS 3PBAR	for 3P	224,000
	HGNS 4PBAR	for A frame	336,000
Biến dòng Curent Transformer (CT)	HGNS CTA (**) 3	for 4P	3,250,000
	HGNS CTB (**) 3	for B frame	3,800,000
	HGNS CTC (**) 3	for C frame	6,800,000
Key lock	HGNS AB	key lock device	672,000
AUX Switch	HGNS AA	additional 1a1b (Max.6a6b)	300,000
Door Flange	HGNS AG	for IP30	448,000
Dust Cover	HGNS DC	for IP52	14,000,000
Temperature Sensor	HGNS TSN	inside cradle	6,810,000
ATS Controller	HGNS ATS	Automatic Transfer Switch & Controller	39,500,000

Ghi chú:

- Thanh cái (Terminal Bus Bar) của ACB có thể xoay dọc/ ngang đối với các sản phẩm:
HGS/HGN Frame A: 630~1600A; Frame B: 630~3200A
- Tiếp điểm bảo trạng thái đóng cắt (AUX)
ACB HGS đã có sẵn 3a3b. ACB HGN đã có sẵn 5a5b

(*): Khóa liên động: chỉ dùng liên động các ACB model HGN, cùng Frame.

Quý khách hàng yêu cầu liên động các ACB khác Frame, vui lòng liên hệ NPP/ Đại lý Hyundai.

(**): Biến dòng T-630A/ H-800A/ J-1000A/ K-1250A/ L-1600A/ M-2000A/ N-2500A/ P-3200A/ Q-4000A/ S-5000A/ X- 6300A

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Thông số thiết bị				Mã hàng	Giá bán
Vacuum Circuit Breaker - HGV COMPACT Type					
HGV loại cố định					
7.2kV	8kA	400A	Control Voltage: DC110V, 4NO+4NC	HGV1099 AXA444A	(*)
	12.5kA	630A	Control Voltage: DC110V, 4NO+4NC	HGV1011 AXA444A	(*)
	25kA	630A	Control Voltage: DC110V, 4NO+4NC	HGV1141 BXA444A	(*)
		1250A	Control Voltage: DC110V, 4NO+4NC	HGV1142 BXA444A	(*)
HGV loại ngăn kéo E-cradle					
7.2kV	8kA	400A	Control Voltage: DC110V, 4NO+4NC	HGV1099 AES444A	(*)
	12.5kA	630A	Control Voltage: DC110V, 4NO+4NC	HGV1011 AES444A	(*)
	25kA	630A	Control Voltage: DC110V, 4NO+4NC	HGV1141 BES444A	(*)
		1250A	Control Voltage: DC110V, 4NO+4NC	HGV1142 BES444A	(*)
HGV loại ngăn kéo F-cradle					
7.2kV	8kA	400A	Control Voltage: DC110V, 4NO+4NC	HGV1099 AFS444A	(*)
	12.5kA	630A	Control Voltage: DC110V, 4NO+4NC	HGV1011 AFS444A	(*)
	25kA	630A	Control Voltage: DC110V, 4NO+4NC	HGV1141 BFS444A	(*)
		1250A	Control Voltage: DC110V, 4NO+4NC		(*)
HGV loại ngăn kéo G-cradle					
7.2kV	8kA	400A	Control Voltage: DC110V, 4NO+4NC	HGV1099 AGS444A	(*)
	12.5kA	630A	Control Voltage: DC110V, 4NO+4NC	HGV1011 AGS444A	(*)
	25kA	630A	Control Voltage: DC110V, 4NO+4NC	HGV1141 BGS444A	(*)
		1250A	Control Voltage: DC110V, 4NO+4NC	HGV1142 BGS444A	(*)
Vacuum Circuit Breaker - HGV STANDARD Type					
HGV loại cố định					
7.2kV	25kA	630A	Control Voltage: AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV1141 CXA444C	(*)
		1250A	Control Voltage: AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV1142 CXA444C	(*)
24/25.8kV	25kA	630A	Control Voltage: AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV6141 FXA444C	(*)
		1250A	Control Voltage: AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV6142 FXA444C	(*)
		2000A	Control Voltage: AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV6144 FXA444C	(*)
HGV loại ngăn kéo E-cradle					
7.2kV	25kA	630A	Control Voltage: AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV1141 CES444C	(*)
		1250A	Control Voltage: AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV1142 CES444C	(*)
24/25.8kV	25kA	630A	Control Voltage: AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV6141 FES444C	(*)
		1250A	Control Voltage: AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV6142 FES444C	(*)
		2000A	Control Voltage: AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV6144 FES444C	(*)
HGV loại ngăn kéo F-cradle					
7.2kV	25kA	630A	Control Voltage: AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV1141 CFS444C	(*)
		1250A	Control Voltage: AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV1142 CFS444C	(*)
24/25.8kV	25kA	630A	Control Voltage: AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV6141 FFS444C	(*)
		1250A	Control Voltage: AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV6142 FFS444C	(*)
		2000A	Control Voltage: AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV6144 FFS444C	(*)
HGV loại ngăn kéo G-cradle					
7.2kV	25kA	630A	Control Voltage: AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV1141 FGS444C	(*)
		1250A	Control Voltage: AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV1142 FGS444C	(*)
24/25.8kV	25kA	630A	Control Voltage: AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV6141 FGS444C	(*)
		1250A	Control Voltage: AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV6142 FGS444C	(*)
		2000A	Control Voltage: AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV6144 FGS444C	(*)

(*) Quý khách vui lòng liên hệ NPP/ Đại lý Hyundai.

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Thông số thiết bị			Mã hàng	Giá bán
Vacuum Circuit Breaker - HVF Type				
36kV	25kA	1250A	Control Voltage: DC110V, 4NO+4NC	HVF7142 IXA444C (*)
		2000A	Control Voltage: DC110V, 4NO+4NC	HVF7144 IXA444C (*)
	31.5kA	1250A	Control Voltage: DC110V, 4NO+4NC	HVF7052 IXA444C (*)
		2000A	Control Voltage: DC110V, 4NO+4NC	HVF7054 IXA444C (*)
		3150A	Control Voltage: DC110V, 4NO+4NC	HVF7057 IXA444C (*)
36kV	25kA	1250A	Control Voltage: DC110V, 4NO+4NC	HVF7142 IGS444C (*)
		2000A	Control Voltage: DC110V, 4NO+4NC	HVF7144 IGS444C (*)
	31.5kA	1250A	Control Voltage: DC110V, 4NO+4NC	HVF7052 IGS444C (*)
		2000A	Control Voltage: DC110V, 4NO+4NC	HVF7054 IGS444C (*)
		3150A	Control Voltage: DC110V, 4NO+4NC	HVF7057 IGS444C (*)
Vacuum Contactor 3.6/7.2kV, Continuously-type, Fixed type				
UVC3 □ CX1000000**		3.6kV, without fuse holder, 3NO+2NC		(*)
UVC6 □ CX1000000**		7.2kV, without fuse holder, 3NO+2NC		(*)
UVC3 □ CA1006000*CM		3.6kV, with 192mm single fuse holder not including fuse 3NO+2NC, with FMD		(*)
UVC6 □ CA1006000**CM		7.2kV, with 192mm single fuse holder not including fuse 3NO+2NC, with FMD		(*)
Vacuum Contactor 3.6/7.2kV, Continuously-type, Draw-out type				
UVC3 □ CB1F10000**		3.6kV, without fuse holder, 3NO+2NC With F Cradle (Insulation Shutter)		(*)
UVC6 □ CB1F10000**		7.2kV, without fuse holder, 3NO+2NC With F Cradle (Insulation Shutter)		(*)
UVC3 □ CD1F16000**CM		3.6kV, with 192mm single fuse holder not including fuse, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation Shutter), with FMD		(*)
UVC6 □ CD1F16000**CM		7.2kV, with 192mm single fuse holder not including fuse, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation Shutter), with FMD		(*)
Vacuum Contactor 3.6/7.2kV, Latched-type, Fixed type				
UVC3 □ LX1000000**		3.6kV, without fuse holder, 3NO+2NC		(*)
UVC6 □ LX1000000**		7.2kV, without fuse holder, 3NO+2NC		(*)
UVC3 □ LA1006000**CM		3.6kV, with 192mm single fuse holder not including fuse 3NO+2NC, with FMD		(*)
UVC6 □ LA1006000**CM		7.2kV, with 192mm single fuse holder not including fuse 3NO+2NC, with FMD		(*)
Vacuum Contactor 3.6/7.2kV, Latched -type, Draw-out type				
UVC3 □ LB1F10000**		3.6kV, without fuse holder, 3NO+2NC With F Cradle (Insulation Shutter)		(*)
UVC6 □ LB1F10000**		7.2kV, without fuse holder, 3NO+2NC With F Cradle (Insulation Shutter)		(*)
UVC3 □ LD1F16000**CM		3.6kV, with 192mm single fuse holder not including fuse, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation Shutter), with FMD		(*)
UVC6 □ LD1F16000**CM		7.2kV, with 192mm single fuse holder not including fuse, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation Shutter), with FMD		(*)

□ : Chọn dòng định mức 2: 200A/ 4: 400A

(**) : Chọn điện áp làm việc H: AC/DC 200 ~ 230V / L: AC/DC 100 ~ 125V

(*) : Quý khách vui lòng liên hệ NPP/ Đại lý Hyundai.

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT



CÔNG TY TNHH ETINCO

Address:

33 BT5, Phap Van Urban Area,
Hoang Liet, Hoang Mai, Hanoi

Mail:

sale@etinco.vn

Tel:

0936 66 44 22

Fax:

0243 66 87 327

Website:

etinco.vn